

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI PTSC

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4300351623 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 05/04/2007, cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 24/06/2015

Địa chỉ: Lô 4H đường Tôn Đức Thắng, P. Lê Hồng Phong,
TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.

Điện thoại: (084) 255 3827492/ Fax: (084) 255 3827507



Phụ trách công bố thông tin

Ông Hồ Tường Phát Chức danh: Trưởng phòng Hành chính nhân sự

Ông Vũ Hồng Huy Chức danh: Phó phòng Tài chính kế toán

Số điện thoại: (084) 255 3827492/ Fax: (084) 255 3827507

Quảng Ngãi, tháng 08 năm 2019

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG | 5 |
| 1. Giới thiệu về Công ty | 5 |
| 1.1. Thông tin chung | 5 |
| 1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch | 7 |
| 2. Quá trình hình thành và phát triển | 8 |
| 3. Quá trình tăng vốn | 8 |
| 4. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý công ty | 9 |
| 5. Cơ cấu cổ đông và Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% cổ phần của Công ty | 12 |
| 5.1. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 16/04/2019..... | 12 |
| 5.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty | 13 |
| 5.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm 16/04/2019..... | 13 |
| 6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng | 13 |
| 7. Hoạt động kinh doanh | 14 |
| 7.1. Giá trị sản phẩm, dịch vụ qua các năm và nguồn cung cấp đầu vào | 14 |
| 7.2. Nguyên nhiên vật liệu | 17 |
| 8. Chi phí sản xuất | 19 |
| 9. Trình độ công nghệ | 19 |
| 10. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm/dịch vụ | 23 |
| 10.3. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ | 24 |
| 10.4. Hoạt động marketing | 25 |
| 10.5. Nhãn hiệu thương mại | 25 |
| 10.6. Các hợp đồng lớn đã ký kết và đang thực hiện..... | 26 |
| 11. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất | 26 |
| 12. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành | 27 |
| 12.1. Vị thế của công ty trong ngành | 27 |
| 12.2. Triển vọng phát triển của ngành | 28 |
| 13. Chính sách đối với người lao động | 29 |
| 13.1. Số lượng người lao động trong công ty tại thời điểm 30/06/2019..... | 29 |
| 13.2. Chính sách đối với người lao động | 29 |
| 13.3. Chính sách đào tạo | 30 |
| 13.4. Chính sách khen thưởng | 30 |
| 14. Chính sách cổ tức | 31 |
| 15. Tình hình tài chính | 31 |

| | |
|--|-----------|
| 15.1. Các chỉ tiêu cơ bản..... | 31 |
| 15.2. Hàng tồn kho..... | 34 |
| 15.3. Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty | 35 |
| 16. Tài sản..... | 37 |
| 17. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo | 39 |
| 18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng: Không..... | 41 |
| 19. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh | 41 |
| 20. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty: Không..... | 43 |
| II. QUẢN TRỊ CÔNG TY | 43 |
| 1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị (HĐQT)..... | 43 |
| 2. Ban kiểm soát | 48 |
| 3. Ban Giám đốc..... | 50 |
| 4. Kế toán trưởng | 52 |
| 5. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty | 53 |

CÁC KHÁI NIỆM

| | |
|-------------------------------|---|
| CTCP | : Công ty Cổ phần |
| PTSC Quảng Ngãi, Công ty, PQN | : Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC |
| BDSC | : Bảo dưỡng sửa chữa |
| TNHH | : Trách nhiệm hữu hạn |
| ĐHĐCĐ | : Đại hội đồng cổ đông |
| HĐQT | : Hội đồng quản trị |
| BKS | : Ban kiểm soát |
| UBCKNN | : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| BCTC | : Báo cáo tài chính |
| LNG | : Lợi nhuận gộp |

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Giới thiệu về Công ty

1.1. Thông tin chung

- Tên gọi : Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC
- Tên viết tắt : PTSC Quảng Ngãi
- Tên giao dịch quốc tế : PTSC Quang Ngai Joint Stock Company
- Địa chỉ : Lô 4H đường Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
- Điện thoại : (084) 255 3827492
- Fax : (084) 255 3827507
- Người đại diện theo pháp luật : Ông Phạm Văn Hùng, Chức vụ: Giám đốc
- Ngày trở thành công ty đại chúng : 21/12/2018
- Vốn điều lệ đăng ký : 300.000.000.000 (Ba trăm tỷ) đồng
- Vốn điều lệ thực góp : 300.000.000.000 (Ba trăm tỷ) đồng
- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4300351623 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 05/04/2007, cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 24/06/2015
- Ngành nghề kinh doanh chính:

| STT | Ngành nghề | Mã số |
|-----|---|---------------------|
| 1 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng, gia công, chế tạo và lắp đặt cơ khí các công trình công nghiệp <ul style="list-style-type: none">- Xây dựng công trình công nghiệp- Xây dựng công trình cấp thoát nước- Xây dựng công trình cảng biển, sân bay, đê kè, cảng sông- Xây dựng công trình triển tàu, ụ tàu | 4290 (chính) |
| 2 | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp | 3320 |
| 3 | Sửa chữa thiết bị điện | 3314 |
| 4 | Đóng tàu và cấu kiện nổi Chi tiết: Đóng tàu và cấu kiện nổi; Sửa chữa tàu biển | 3011 |
| 5 | Xây dựng nhà các loại | 4100 |
| 6 | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ | 4210 |
| 7 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Kinh doanh phương tiện, thiết bị nâng hạ khác | 7730 |

| STT | Ngành nghề | Mã số |
|-----|---|-------|
| 8 | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí | 4322 |
| 9 | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt giàn giáo phục vụ thi công công trình; Lắp đặt vật tư bảo ôn, cách nhiệt cho các công trình công nghiệp; Lắp đặt kết cấu, đường ống, bồn bể, thiết bị cho các công trình công | 4329 |
| 10 | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) | 3315 |
| 11 | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe cộ động cơ khác | 4520 |
| 12 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 4933 |
| 13 | Bốc xếp hàng hóa | 5224 |
| 14 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ lai kéo, trục vớt tàu biển; Dịch vụ phòng cháy chữa cháy các công trình ngoài khơi và ven biển; Dịch vụ ứng cứu sự cố tràn dầu; Dịch vụ cho thuê tàu biển; Đại lý hải quan, dịch vụ kê khai thuế hải quan; Khai thác cảng biển | 5229 |
| 15 | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại | 2592 |
| 16 | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn | 3311 |
| 17 | Sửa chữa máy móc, thiết bị | 3312 |
| 18 | Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cho thuê lại lao động | 7830 |
| 19 | Phá dỡ | 4311 |
| 20 | Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng | 4312 |
| 21 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Khách sạn | 5510 |
| 22 | Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện dân dụng và điện công nghiệp; Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy; Thi công lắp đặt hệ thống mạng, camera, bộ đàm; Thi công lắp đặt hệ thống điều khiển trong lĩnh vực công nghiệp | 4321 |
| 23 | Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Xây dựng đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35kV | 4220 |
| 24 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm, hóa chất xúc tác công nghiệp | 4669 |
| 25 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc | 6810 |
| 26 | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Kinh doanh vật tư, trang thiết bị an toàn phòng cháy chữa cháy phục vụ cho công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng; Kinh doanh camera, bộ đàm và các vật tư, thiết bị văn phòng | 4652 |
| 27 | Đại lý, môi giới, đấu giá | 4610 |

| STT | Ngành nghề | Mã số |
|-----|--|--|
| | Chi tiết: Môi giới hàng hải | |
| 28 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Cung ứng vật tư, thiết bị cho các công trình dầu khí; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659 |
| 29 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế cơ điện công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công nghệ công trình công nghiệp hóa chất, dầu khí và chế biến, vận chuyển khí; Thiết kế lắp đặt hệ thống điện, công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế hệ thống cơ điện công trình xây dựng; Tư vấn quản lý dự án | 7710 |
| 30 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh vật liệu phủ sơn các loại | 4663 |
| 31 | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác Chi tiết: Dịch vụ làm sạch bồn bể, đường ống, máy móc thiết bị | 8129 |
| 32 | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chế tạo bồn áp lực | 3290 |
| 33 | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Dịch vụ đấu nối đường ống ở tình trạng đang hoạt động; dịch vụ thao tác trên dây | 4390 |
| 34 | <i>Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật</i> | <i>Ngành nghề chưa khớp với mã Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Mã chứng khoán: PQN
- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 30.000.000 (Ba mươi triệu) cổ phiếu
- Tổng số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty tuân theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán; Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài (bao gồm tổ chức và cá nhân) tại Công ty tại ngày 16/04/2019 là 0 cổ phần, tương ứng với 0% vốn điều lệ.

2. Quá trình hình thành và phát triển

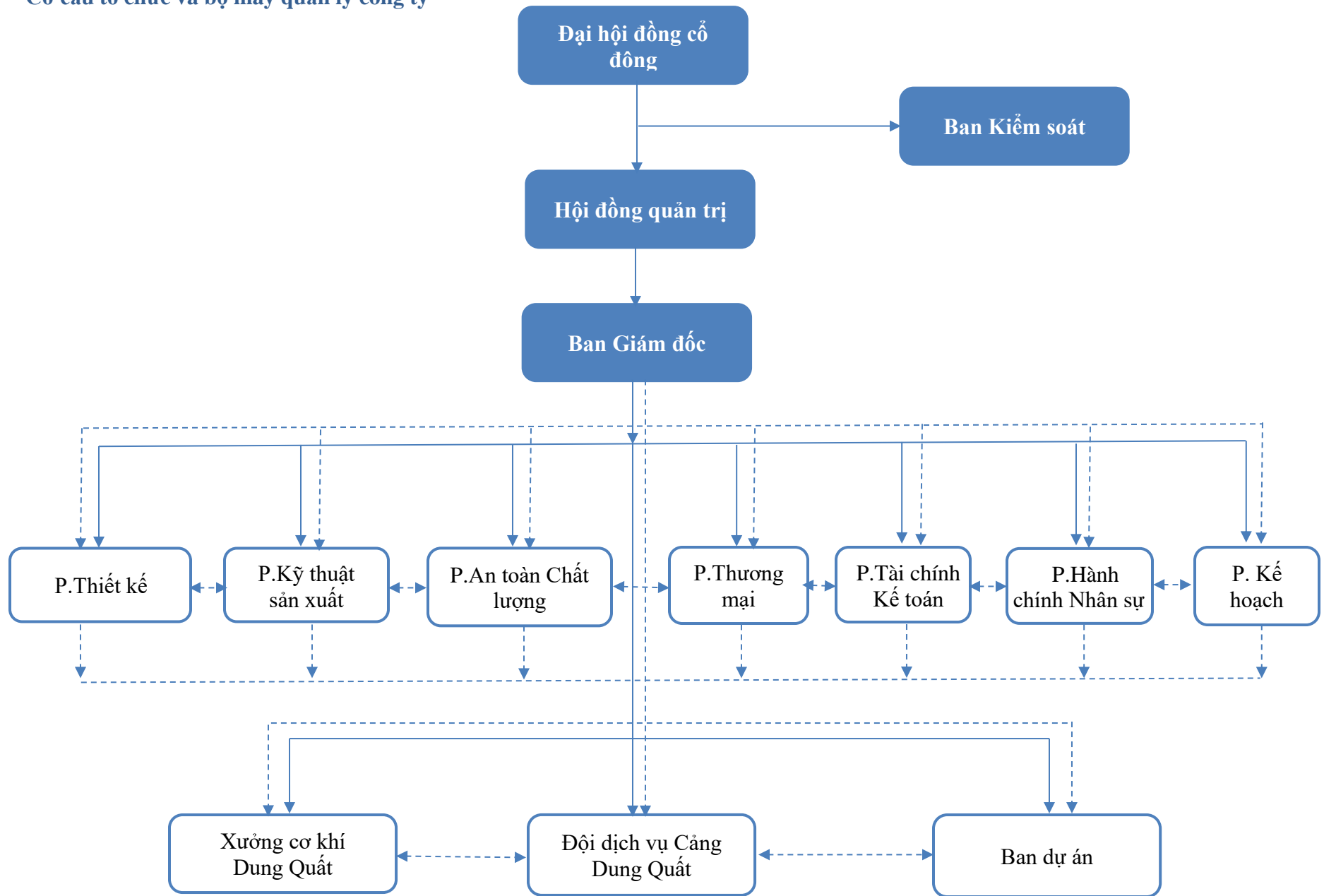
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC (PTSC Quảng Ngãi) tiền thân là chi nhánh Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí tại Quảng Ngãi được thành lập tại thời điểm Dung Quất - Quảng Ngãi được chọn là nơi xây dựng nhà máy lọc dầu đầu tiên của Việt Nam. Trong hơn 20 năm qua PTSC Quảng Ngãi đã trải qua nhiều dấu mốc quan trọng:

- Ngày 17/10/1997: HĐQT Tổng công ty Dầu khí thành lập chi nhánh Công ty Dịch vụ Dầu khí tại Quảng Ngãi theo quyết định số 1723/DK-HĐQT
- Ngày 13/06/2002: HĐQT Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam quyết định thành lập Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi.
- Ngày 19/03/2007: Tổng Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam quyết định thành lập Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi
- Ngày 19/12/2010: tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập.
- Ngày 27/12/2010: Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300351623, đăng ký lần đầu ngày 05/04/2007 do Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Ngãi cấp với vốn điều lệ là 300.000.000.000 đồng.
- Ngày 01/01/2011: Chuyển đổi Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi thành Công ty Cổ phần theo quyết định số 350/QĐ-DVKT-HĐQT.
- Ngày 21/12/2018: Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 8355/UBCK-GSĐC của UBCKNN.
- Ngày 12/03/2019: Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 11/2019/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 30.000.000 (Ba mươi triệu) cổ phiếu.

3. Quá trình tăng vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC tiền thân là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi. Kể từ khi chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 350/QĐ-DVKT-HĐQT ngày 01/01/2011, Công ty chưa thực hiện tăng vốn thêm lần nào. Vốn Điều lệ hiện tại của CTCP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC là 300.000.000.000 (Ba trăm tỷ) đồng được chia thành 30.000.000 cổ phần (Ba mươi triệu cổ phần) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

4. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý công ty



Chú thích: - Đường nét liền: quản lý trực tiếp;
- Đường nét đứt: quản lý chức năng.

2.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2.2. Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là không quá năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên HĐQT độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên HĐQT.

Hiện nay, Hội đồng quản trị của Công ty gồm 03 thành viên như sau:

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|----------------------|-----------------|
| 1 | Ông Nguyễn Trần Toàn | Chủ tịch HĐQT |
| 2 | Ông Dương Hùng Văn | Thành viên HĐQT |
| 3 | Ông Phạm Văn Hùng | Thành viên HĐQT |

2.3. Giám đốc và các chức danh quản lý

Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số các thành viên Hội đồng quản trị, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm.

Hiện nay, Ban Giám Đốc của Công ty gồm 03 thành viên như sau:

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|----------------------|--------------|
| 1 | Ông Phạm Văn Hùng | Giám Đốc |
| 2 | Ông Nguyễn Văn Chinh | Phó Giám Đốc |
| 3 | Ông Ngô Tấn Quảng | Phó Giám Đốc |

2.4. Phòng Hành chính Nhân sự

- Quản lý cơ sở vật chất tại văn phòng Công ty.
- Quản lý thiết bị CNTT, trang thiết bị văn phòng toàn Công ty.
- Quản lý hệ thống CNTT toàn Công ty.
- Quản lý công tác Hành chính trong toàn Công ty như: thông tin liên lạc, công tác bảo vệ an ninh trật tự, công tác hậu cần,...
- Quản lý xe ô tô con, xe đưa đón CBCNV.
- Công tác tổng hợp, văn thư, lưu trữ, lễ tân, thư ký, giúp việc cho Ban Giám đốc.

- Quản lý công tác đào tạo, nguồn nhân lực và phát triển nguồn nhân lực trong toàn Công ty.
- Quản lý các chế độ về tiền lương, thu nhập, bảo hiểm xã hội và các chế độ chính sách khác theo quy định của Nhà nước, Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty.
- Quản lý công tác thi đua - khen thưởng - kỷ luật CBCNV trong Công ty.

2.5. Phòng Thương mại

- Quản lý công tác Marketing và Chăm sóc khách hàng.
- Quản lý công tác chào giá, chào thầu, đàm phán, ký kết, triển khai các Hợp đồng mua/bán Hàng hoá và Dịch vụ với khách hàng, đối tác.
- Chủ trì công tác mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ cho các Dự án.
- Đầu mối phối hợp với Tổng công ty và các đối tác liên danh trong công tác đấu thầu các gói thầu lớn do Tổng công ty triển khai.
- Quản lý danh mục khách hàng và Nhà cung cấp của toàn Công ty.

2.6. Phòng Kỹ thuật Sản xuất

- Quản lý công tác kỹ thuật trong toàn Công ty.
- Quản lý công tác định mức kinh tế kỹ thuật của Công ty.
- Quản lý công tác triển khai thực hiện các Dự án/Đơn hàng.
- Quản lý công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật của Công ty.

2.7. Phòng Thiết kế

- Quản lý công tác thiết kế trong toàn Công ty.
- Quản lý công tác nghiên cứu các sản phẩm mới.

2.8. Phòng Tài chính Kế toán

- Quản lý các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán theo đúng quy định của Nhà nước về chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán và những quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.
- Quản lý chi phí, hiệu quả thường xuyên, định kỳ đối với các Đơn hàng/Dự án.
- Quản lý các vấn đề liên quan đến tài chính kế toán theo quy định của Tổng công ty và Công ty (nếu có).

2.9. Phòng Kế hoạch

- Quản lý công tác kế hoạch trong toàn Công ty
- Quản lý tài sản của Công ty.
- Quản lý công tác đầu tư.
- Quản lý công tác mua sắm vật tư tiêu hao, sản xuất thường xuyên của Công ty.
- Quản lý công tác BDSC.

- Quản lý công tác thu hồi, thanh lý vật tư, phương tiện, máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ bị hư hỏng trong Công ty.

2.10. Phòng An toàn Chất lượng

- Quản lý công tác Sức khỏe - An toàn - Môi trường (HSE) trong toàn Công ty.
- Quản lý công tác rủi ro toàn Công ty.
- Quản lý công tác chất lượng toàn Công ty.
- Quản lý Hệ thống SKATMTCL trong toàn Công ty theo tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 14001 và OHSAS 18001.
- Quản lý công tác bảo hiểm cho các tài sản trong Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và nhu cầu của hoạt động SXKD.

2.11. Đội Dịch vụ Cảng Dung Quất

- Quản lý việc cung cấp các Dịch vụ trong và ngoài CDQ như bốc xếp, vận chuyển Hàng hóa, cho thuê kho bãi, đại lý hàng hải.
- Quản lý và khai thác đội tàu Dịch vụ.
- Quản lý và khai thác các phương tiện, máy móc, trang thiết bị được giao.

2.12. Xưởng cơ khí Dung Quất

- Quản lý, cung cấp và thực hiện các dịch vụ liên quan đến gia công, chế tạo, xây lắp cơ khí được Công ty giao.
- Quản lý và khai thác an toàn, hiệu quả các trang thiết bị, dụng cụ, nhà xưởng do Công ty giao.
- Quản lý và triển khai công tác BDSC các trang thiết bị, CCDC sản xuất, phương tiện, nhà xưởng được Công ty giao.

5. Cơ cấu cổ đông và Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% cổ phần của Công ty

5.1. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 16/04/2019

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 16/04/2019

| STT | Họ và tên | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ trên vốn điều lệ thực góp (%) |
|-----------|---------------------------|---------------------|---------------------|--|
| I | Cổ đông trong nước | 178 | 30.000.000 | 100,00 |
| | Tổ chức | 02 | 29.558.100 | 98,50 |
| | Cá nhân | 176 | 441.900 | 1,50 |
| II | Cổ đông nước ngoài | 0 | 0 | 0 |

| STT | Họ và tên | Số lượng cổ đồng | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ trên vốn điều lệ thực góp (%) |
|------------|---------------------|---------------------|---------------------|--|
| | Tổ chức | 0 | 0 | 0 |
| | Cá nhân | 0 | 0 | 0 |
| III | Cổ phiếu quỹ | 0 | 0 | 0 |
| | Tổng cộng | 178 | 30.000.000 | 100,00 |

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty chốt ngày 16/04/2019)

5.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

| Cổ đông | Giấy CNĐKKD/C MTND | Địa chỉ | Số cổ phần | Tỷ lệ (%) |
|--|--------------------------|--|-------------------|--------------|
| Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam | 0100150577 | Lầu 5, tòa nhà PetroVietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, Tp. HCM | 28.558.100 | 95,20 |
| Tổng cộng | | | 28.558.100 | 95,20 |

5.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm 16/04/2019.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Quảng Ngãi PTSC được chuyển đổi từ Công ty TNHH 1TV Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC theo Quyết định số 350/QĐ-DVKT-HĐQT ngày 17/12/2010 và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp dưới hình thức công ty cổ phần số 4300351623 ngày 27/12/2010. Tại thời điểm chuyển đổi, căn cứ theo quy định của khoản 2 Điều 15 Nghị định 139/2007-NĐ-CP: “*Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hoặc từ công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc được chia, tách, hợp nhất, sáp nhập từ công ty cổ phần khác không nhất thiết phải có cổ đông sáng lập*”. Do vậy, CTCP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC không có cổ đông sáng lập.

6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng.

– Công ty mẹ : Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)

Địa chỉ : Lầu 5, tòa nhà PetroVietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại : 028 39102828

Giấy CNĐKDN : 0100150577

Hoạt động kinh doanh chính : Dịch vụ phục vụ hoạt động khảo sát địa vật lý, địa chất công trình, dịch vụ lặn, dịch vụ cung cấp ROV phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và công trình công nghiệp, dân dụng; Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; Sửa chữa các công trình dầu khí biển; Các dịch vụ sinh hoạt dầu khí (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar); Dịch vụ quản lý, khai thác các tàu chứa dầu (FSO), tàu chứa và xử lý dầu thô (FPSO), các tàu dịch vụ, tàu vận chuyển các sản phẩm dầu và khí; Dịch vụ quản lý, điều hành kinh doanh, khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí; Dịch vụ quản lý tổ chức thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ khí hàng hải; Dịch vụ chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí, vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu khí, dịch vụ thử tải, kiểm tra không phá hủy, xử lý nhiệt trước và sau hàn, dịch vụ hạ thủy; nâng hạng nặng, cân.

Vốn điều lệ : 4.467.004.210.000 đồng.

Tỷ lệ sở hữu tại PQN : 95,20%.

Giá trị vốn góp : 285.581.000.000 đồng (tính theo mệnh giá)

– Công ty con : không có

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Giá trị sản phẩm, dịch vụ qua các năm và nguồn cung cấp đầu vào

Bên cạnh vai trò là nhà thầu trong lĩnh vực cơ khí dầu khí, PTSC Quảng Ngãi còn là nhà cung cấp dịch vụ khai thác cảng biển hàng đầu trong Khu Kinh tế Dung Quất. Tại đây PTSC Quảng Ngãi đã đầu tư cơ sở hạ tầng với nhà xưởng và bãi chế tạo cơ khí có hệ thống máy móc thiết bị hiện đại với diện tích 8ha. Hệ thống nhà xưởng và bãi chế tạo được kết nối với Bến số 1 Cảng Dung Quất của Công ty, tạo thành khu căn cứ dịch vụ dầu khí phục vụ gia công, chế tạo, bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị và vận chuyển đến lắp đặt tại công trường các Nhà máy.

Hiện nay, PTSC Quảng Ngãi tập trung vào 4 mảng dịch vụ mang lại doanh thu và lợi nhuận chính là:

– Căn cứ cảng và Logistics:

Hiện nay, PTSC Quảng Ngãi đang quản lý và vận hành Cảng PTSC Dung Quất với Bến số 1 và Bến số 2. Đây là một Cảng trong hệ thống 8 căn cứ Cảng tại tất cả các trung tâm trên 3 khu vực Bắc - Trung - Nam như Hải Phòng, Thanh Hóa, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Vũng Tàu... của Tổng Công ty PTSC. Với vị trí thuận lợi, Cảng PTSC Dung Quất không chỉ thu hút nhiều tàu chở hàng mà còn đang thu hút nhiều tàu chở khách trong nước cũng như Quốc tế cập Cảng mỗi năm.

– **Tàu lai đất và tàu chuyên ngành dầu khí:**

Các dịch vụ lai đất mà PTSC Quảng Ngãi đang cung cấp là: Lai đất tàu SPM; Ứng cứu sự cố tràn dầu Cấp độ II; Đưa đón thuyền viên; Bảo dưỡng công trình biển; Cho thuê tàu; Vận chuyển đường biển.

– **Bảo dưỡng sửa chữa và cung cấp vật tư cho các nhà máy lọc dầu:**

Hiện nay, PTSC Quảng Ngãi đang cung cấp các dịch vụ Bảo dưỡng sửa chữa như Sơn chống ăn mòn; Cải hoán sửa chữa; Kiểm tra đường ống, bồn bể; Hệ thống điện và điều khiển; Hệ thống phòng cháy chữa cháy trong ngành dầu khí.

– **Dịch vụ Cơ khí dầu khí và xây lắp công trình công nghiệp:**

Với việc phát huy được thế mạnh của thương hiệu PTSC, PTSC Quảng Ngãi đã và đang là Tổng thầu/liên danh nhà thầu thiết kế, mua sắm, xây dựng của nhiều dự án lớn tại Khu kinh tế Dung Quất như: Dự án xây dựng Nhà máy nhiên liệu sinh học miền Trung có công suất 100 triệu lít/năm trị giá 90 triệu USD; Dự án xây dựng Bể chứa dầu thô dung tích 130.000 m³ trị giá 40 triệu USD.

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm

| Chỉ tiêu | Năm 2017 | | Năm 2018 | | 6 tháng/2019 | |
|---|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng/ DTT (%) | Giá trị | Tỷ trọng/ DTT (%) | Giá trị | Tỷ trọng/ DTT (%) |
| DTT hợp đồng xây dựng | 379.877.780.272 | 54,19 | 254.881.748.367 | 41,54 | 109.422.147.820 | 37,45 |
| DTT dịch vụ cảng và các dịch vụ liên quan | 321.078.631.851 | 45,81 | 358.708.480.092 | 58,46 | 182.761.165.271 | 62,55 |
| Tổng cộng | 700.956.412.123 | 100,00 | 613.590.228.459 | 100,00 | 292.183.313.091 | 100,00 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, BCTC soát xét 6 tháng 2019 của PQN)

Doanh thu thuần của PTSC Quảng Ngãi đến từ Hợp đồng xây dựng và Hợp đồng cung cấp dịch vụ. Trong 6 tháng đầu năm 2019, doanh thu thuần của Công ty đạt 292.183.313.091 đồng tăng 9,17% so với cùng kỳ năm 2018 (267.651.427.213 đồng). Trong cả năm 2018 doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ của Công ty tăng nhẹ 37.629.848.241 đồng từ 321.078.631.851 vào năm 2017 lên 358.708.480.092 vào năm 2018 (tăng tương ứng 11,72 %) so với năm 2017. Tuy nhiên, doanh thu từ hợp đồng xây dựng năm 2018 lại giảm mạnh 124.996.031.905 đồng từ 379.877.780.272 đồng xuống còn 254.881.748.367 đồng (giảm tương ứng 33,90%) so với năm 2017. Dẫn tới doanh thu thuần của Công ty năm 2018 giảm 87.366.183.664 đồng, giảm tương ứng 12,46% so với năm 2017. Nguyên nhân của việc doanh thu từ hợp đồng xây dựng giảm là do:

- Giá dầu chưa ổn định trong năm 2018 đã ảnh hưởng đến việc đầu tư, triển khai các Dự án chậm lại, dừng lại và giãn tiến độ, điều này ảnh hưởng đến cơ hội tìm kiếm công việc trong hoạt động xây dựng của Công ty. Sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt, chính sách ưu tiên cho các Doanh nghiệp Nhà nước gần như không còn nữa, thay vào đó là sự cạnh tranh bình đẳng bên ngoài nên gây khó khăn đối với Doanh nghiệp Nhà nước;

- Trong năm 2018, Công ty ký nhiều Hợp đồng BDSC chủ yếu với NMLD Dung Quất, thi công Dự án Hòa Phát. Bên cạnh khách hàng trong nước, PTSC Quảng Ngãi đã trúng và thực hiện 04 Gói thầu gia công chế tạo kết cấu và thiết bị cho khách hàng Úc và 01 Gói thầu gia công kết cấu cho khách hàng Hàn Quốc.

- Xu thế của các đối tác, Khách hàng nước ngoài, trong ngành, tư nhân muốn làm việc, hợp tác với các Đơn vị tư nhân vì có cơ chế linh hoạt hơn các Doanh nghiệp Nhà nước.

Bảng 4: Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm

| Chỉ tiêu | Năm 2017 | | Năm 2018 | | 6 tháng 2019 | |
|---|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng/ DTT (%) | Giá trị | Tỷ trọng/ DTT (%) | Giá trị | Tỷ trọng/ DTT (%) |
| LNG hợp đồng xây dựng | 2.962.974.276 | 0,42 | 5.379.998.660 | 0,88 | (1.394.155.019) | (0,48) |
| LNG dịch vụ cảng và các dịch vụ liên quan | 56.235.153.734 | 8,02 | 42.889.647.153 | 6,99 | 24.642.247.687 | 8,43 |
| Tổng cộng | 59.198.128.010 | 8,45 | 48.269.645.813 | 7,87 | 23.248.092.668 | 7,96 |

(Nguồn: Công ty cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC)

– **Hình ảnh một số sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty**

Căn cứ cảng của PTSC Quảng Ngãi



Hệ thống tàu lai dắt và tàu chuyên ngành dầu khí



Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa công trình



Dịch vụ cơ khí dầu khí, xây lắp công trình



7.2. Nguyên nhiên vật liệu

Hoạt động trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ dầu khí nên nguồn nguyên vật liệu tham gia vào quá trình tạo ra các sản phẩm dịch vụ chủ yếu tập trung vào các nguyên vật liệu bán thành phẩm như sắt thép, các loại sơn phủ bề mặt, khí công nghiệp... phục vụ cho các hoạt động cơ khí dầu khí, bảo dưỡng sửa chữa phương tiện, trang thiết bị các nhà máy lọc dầu.

Đối với các hợp đồng tổng thầu EPC, Công ty phải tổ chức mua sắm vật tư chính theo thiết kế đã được chủ đầu tư phê duyệt.

Chi phí nguyên vật liệu tuy chiếm không nhiều trong chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty (21,26% năm 2017, 29,36% năm 2018) nhưng để đảm bảo nguồn nguyên vật liệu ổn định và chất lượng, Công ty đã thường xuyên ký hợp đồng mua vật tư với một số nhà cung cấp sau:

| STT | Loại vật liệu cung cấp | Nhà cung cấp | Tính ổn định |
|-----|------------------------|--|--------------|
| 1 | Thép | Công ty TNHH TM Xuất nhập khẩu Thép TAS | Cao |
| | | Công ty Cổ phần xây lắp & Thương mại Dịch vụ Tân Khang | Cao |
| | | Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc Tín | Cao |

| STT | Loại vật liệu cung cấp | Nhà cung cấp | Tính ổn định |
|-----|------------------------|--|--------------|
| 2 | Sơn | Công ty TNHH Hempel Việt Nam | Cao |
| 3 | Hạt mài | Công ty Cổ phần thiết bị Công nghệ Triệu Tín | Bình thường |
| 4 | Vật tư hàn | Công ty TNHH PCS Hải Dương | Cao |
| | | Công ty TNHH MTV Công nghệ An Huy | Bình thường |
| | | Công ty TNHH Metal Đà Nẵng | Bình thường |
| 5 | Bulong | Nhà máy Quy chế II | Cao |
| | | Công ty TNHH Thương mại vật tư Phú Khang | Bình thường |
| | | Công ty Cổ phần Sensico Việt Nam (SSC) | Bình thường |
| | | Công ty TNHH Vương An Phát | Cao |
| 6 | Dịch vụ NDT | Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ kiểm tra kỹ thuật Alpha | Cao |
| | | Chi nhánh công ty TNHH Apave châu Á - Thái Bình Dương tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Cao |
| 7 | Vật tư tiêu hao | Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Việt Trung | Cao |
| | | Doanh nghiệp tư nhân Thành Phú | Bình thường |
| | | Cửa hàng Thịnh Phát | Cao |
| 8 | Khí công nghiệp | Công ty Cổ phần công nghiệp Hàng Hải | Cao |
| 9 | Bê tông | Công ty Cổ phần Pha Đin | Cao |
| | | Công ty TNHH thép IPC Sài Gòn | Bình thường |

(Nguồn: PSTC Quảng Ngãi)

8. Chi phí sản xuất

Tỷ trọng các khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh trong tổng chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty:

Đơn vị tính: đồng

| Khoản mục | 2017 | Tỷ trọng/DTT | 2018 | Tỷ trọng/DTT | 6 tháng/2019 | Tỷ trọng/DTT |
|------------------------------|-----------------|--------------|-----------------|--------------|-----------------|--------------|
| Doanh thu thuần (DTT) | 700.956.412.123 | - | 613.590.228.459 | - | 292.183.313.091 | - |
| Giá vốn dịch vụ cung cấp | 641.758.284.113 | 91,55% | 565.320.582.646 | 92,13% | 268.935.220.423 | 92,04% |
| Chi phí tài chính | 1.385.445.691 | 0,20% | 560.725.358 | 0,09% | 6.200.407.027 | 2,12% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 32.802.735.531 | 4,68% | 32.472.166.289 | 5,29% | 11.855.518.760 | 4,06% |
| Chi phí khác | 440.316.016 | 0,06% | 201.054.425 | 0,03% | 476.497.096 | 0,16% |

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2018, BCTC soát xét 6 tháng 2019 của PQN)

Về giá vốn: Hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ trong ngành dầu khí nên giá vốn dịch vụ cung cấp của Công ty luôn chiếm hơn 90% tổng chi phí hoạt động của Công ty. Cơ cấu giá vốn của Công ty bao gồm “Giá vốn hợp đồng xây dựng và Giá vốn dịch vụ cung cấp”, trong những năm trước do đặc thù của loại dịch vụ cung cấp mà giá vốn hợp đồng xây dựng luôn chiếm tỷ trọng cao hơn (chiếm từ 58,73% đến 68,10%) trong cơ cấu giá vốn dịch vụ cung cấp của Công ty. Tuy nhiên, do năm 2018 các hợp đồng xây dựng mới không triển khai nhiều nên tỷ trọng giá vốn của hợp đồng xây dựng trong tổng giá vốn dịch vụ cung cấp của Công ty giảm còn 44,13%. Trong 6 tháng đầu năm 2019, giá vốn các dự án xây lắp, sửa chữa... chiếm tỷ trọng 41,2% trên tổng giá vốn của Công ty.

9. Trình độ công nghệ

Là nhà cung cấp dịch vụ khai thác cảng biển hàng đầu trong Khu Kinh tế Dung Quất, PTSC Quảng Ngãi đã đầu tư cơ sở hạ tầng cùng hệ thống máy móc, tàu thuyền và thiết bị hiện đại nhằm phục vụ tốt nhất cho bốn mảng hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Đối với hoạt động lai dắt tàu SPM (tàu rót dầu thô không bến) nhằm sẵn sàng ứng cứu sự cố tràn dầu cũng như phục vụ đưa đón thuyền viên và bảo dưỡng công trình dầu khí, PTSC Quảng Ngãi đã đầu tư đội tàu có công suất từ 2.200 HP đến 4.750 HP (là tàu có đủ công suất theo nhu cầu của khách hàng thực hiện công tác lai dắt các tàu ra vào cảng tại khu kinh tế Dung Quất) với đội ngũ thuyền viên được đào

tạo hàng năm có chuyên môn cao.

PTSC Quảng Ngãi hiện đang đưa vào hoạt động Bến số 1 Cảng Dung Quất và Bến số 2 Cảng tổng hợp Dung Quất. Với vị trí thuận lợi, Cảng Dung Quất được thiết kế đảm bảo cho không gian lưu trữ, kho và văn phòng cũng như được trang bị các phương tiện vận tải, thiết bị nâng hạ hạng nặng (như bánh xích, cần cầu di động, xe nâng, xe tải, phương tiện đặc biệt cho các mặt hàng quá khổ...) giúp Cảng không chỉ đón các tàu chở hàng có công suất 2.000.000 tấn/năm mà còn đảm bảo điều kiện cho việc đón tàu chở khách trong nước và quốc tế.

Tiếp tục phát huy thế mạnh của thương hiệu PTSC trong hoạt động bảo dưỡng – sửa chữa công trình dầu khí cũng như duy trì vị thế là tổng thầu/liên danh nhà thầu thiết kế xây dựng nhiều dự án lớn của ngành dầu khí, PTSC Quảng Ngãi luôn mạnh dạn đầu tư hệ thống thiết bị chất lượng cao như:

| STT | Tên thiết bị | Đặc tính kỹ thuật |
|-----|-------------------------------------|--|
| 1. | Máy phun hạt mài, dung tích 200L | Dung tích : 200 Lít Áp lực làm việc : 5-7.5 kg/cm ² |
| 2. | Máy phun cát Eco - blaster ibix 9 | Công suất: 2.4 gallons (9 ltr) |
| 3. | Máy sấy khí LD-250HA | Lưu lượng: 31m ³ /phút |
| 4. | Máy tách ẩm Hakison HRA-37.5 | Công suất motor 7,5kw/ Áp suất làm việc lớn nhất 12 kgf/cm ² . |
| 5. | Máy nén khí Puma PK75250 | Áp lực làm việc : 8 kg/cm ² Bình chứa khí: 250 lít Lưu lượng : 1118 lít/phút |
| 6. | Máy phát điện 294kva Hữu Toàn | Công suất 294 'kva |
| 7. | Máy hàn CO2 Panasonic KR11-500 | Công suất (KVA) 31.9 Nguồn điện vào 3 pha - 380V Phạm vi dòng hàn (A) 60 - 500 Đường kính dây hàn (mm) 1.2-1.6 |
| 8. | Máy hàn tig Samsung Omega 350T | Công suất (KVA)11.8 Khoảng dòng hàn (A)5-350A |
| 9. | Máy hàn tig xách tay Jasic Tig-200A | Công suất (KVA) 3.9 Chức năng • Hàn que • Hàn Tig Điện áp vào 1pha 220VAC ± 15% 50/60Hz. Khoảng dòng hàn (A) 10~180 Độ dày hàn (mm) 0.3~8 |
| 10. | Máy khoan từ Nitto WOJ-3200 | Máy khoan từ Nitto WOJ-3200 Khả năng khoan : Φ 12-32mm Khả năng cắt : 9-50 mm |

| STT | Tên thiết bị | Đặc tính kỹ thuật |
|-----|---|--|
| | | Công suất: 1.150 W Tốc độ không tải : 870 min-1 |
| 11. | Máy tiện ren REX NT50A | Công suất (W): 700 Khả năng ren max 1/2" - 2" (21-60mm) Điện áp (V) 220 Tốc độ không tải (vòng/phút) 40 |
| 12. | Máy cắt thép CNC ASIA FSC3500D | Model: FSC3500Dx12M + bộ nguồn Plasma Hypertherm HPR260XD/ Trọng lượng máy 2000kg/ Kích thước khổ tôn 38x2700x9500mm/ Tốc độ cắt plasma 6000=10000mm/p/ Tốc độ cắt oxy+oxygen 350mm/p. |
| 13. | Máy khoan thép CNC ASIA FSD2040 | Kích thước khổ tôn: 2000x4000mm/ Chức năng khoan, tạo ren, tạo rãnh/ Trọng lượng 7500kg/ Động cơ thủy lực 7,5HP cho đầu khoan/ khả năng khoan D14-50mm. |
| 14. | Máy cắt thép tấm pha băng LanCNC ZLQ-4B | Nguồn vào 1P 220V/ Chiều dày cắt phá thủ công 2" (50mm) bằng mỏ cắt tay/ Chiều dày cắt khuyến nghị lớn nhất: 38mm/ Cắt max: 32mm (mỏ cắt máy)/ Đánh thùng max: 22mm (mỏ cắt máy) |
| 15. | Máy đột lỗ thủy lực Kotec KTPK-100 | Đường kính đột với chiều dày lớn nhất: Ø32x25mm, kích thước tấm lớn nhất 500x1000x25mm, tấm nhỏ nhất 100x100x6mm. Áp lực lớn nhất 100 tấn |
| 16. | Máy cưa dầm ống Cosen SH-700 DM | Công suất cắt : round - 450mm (0 độ) : round - 450mm (45 độ) : round - 300mm (-60 độ) : rect. - 450 x 700mm (0) : rect. - 450 x 520mm (45) : rect. - 450 x 300mm (-60) - Tốc độ: 20~100m/phút |

| STT | Tên thiết bị | Đặc tính kỹ thuật |
|-----|--|---|
| 17. | Máy cân chỉnh đồng tâm Easy Laser E420 | Độ phân giải: 0.01 mm [0.5 mils] Sai số: $\pm 1\% + 1$ digit Giải đo: Up đến 3 m [10 feet] Kiểu Laser: Diode laser Bước sóng Laser: 635–670 nm |
| 18. | Máy đo thử áp suất 0-800 PSI - Seri 29863-001 - Mã MĐA001 | Đo thử áp suất 0-800 PSI |
| 19. | Thiết bị đo áp suất 25bar (0-350psi) - Seri 32973-2.003 (Mã TS: DAN-PAL-009) | Đo áp suất 25bar (0-350psi) |
| 20. | Máy đục bê tông Hitachi H65SB3 | Thông số kỹ thuật: Máy đục bê tông Hitachi H65SB3 Công suất (W) : 1340 Nguồn điện: 220V/50Hz Tốc độ va đập: 1400 rpm Mũi đục lục giác: 30mm |
| 21. | Máy thủy bình Leica NA724 | Chiều dài ống kính: 215mm. Đường kính vật kính: 30mm. Độ phóng đại: 24X. Độ phân giải: 4,0" Trường nhìn: 1025'. Tiêu cự nhỏ nhất: 0,4m |
| 22. | Máy kinh vĩ điện Sokkia PT5 00S | Độ phóng đại: 30 x |
| 23. | Máy toàn đạc điện tử TS-02-3" Power (Leica) | Độ phóng đại: 30 x Trường nhìn : 1° 30'(1.66 gon) 26m tại khoảng cách 1km Phạm vi điều tiêu: 1.7 m đến vô cùng Thẻ lưới: chiếu sáng, 5 cấp độ chiếu sáng |
| 24. | Máy trộn bê tông cưỡng bức DT 250 | Dung tích thùng trộn: 250L 5:7 phút/ mẻ trộn |
| 25. | Tời điện 1000kg | Tời chạy điện sức nâng: 1 tấn |
| 26. | Máy đầm dùi điện | Đầm dùi cầm tay Công suất: 2HP Điện áp: 220v |
| 27. | Máy uốn kim loại SUB-35 | Đường kính cắt cực đại 35mm |
| 28. | Máy cắt kim loại SUC-35 | Đường kính uốn cực đại 35mm |

| STT | Tên thiết bị | Đặc tính kỹ thuật |
|-----|--|--|
| 29. | Máy hàn nhựa ShangHai DSH-A/C | Công suất: 1080W Nhiệt độ tối đa: 550°C- điều chỉnh vô cấp Lưu lượng khí: 230 lít/phút |
| 30. | Máy bơm chìm EBARA 100DML515 | Bơm nước thải hay bùn loãng đặt chìm\ Công suất 15kw (20Hp); H=17,3 m; Q=215 m ³ /h\ Trục bơm Inox 403 |
| 31. | Máy bơm trục vít Dongquan G105-1 | Công suất: 100m ³ /h |
| 32. | Xe nâng 7 tấn TCM | Sức nâng 7T |
| 33. | Xe nâng 2,5 tấn TCM | Sức nâng 2,5T |
| 34. | Xe đầu kéo Hyundai 36T | NSX:2001, Nhãn hiệu Hyundai HD700 |
| 35. | Cầu bánh lốp Grover 70 tấn | Bánh lốp, tải trọng tối đa 70 tấn |
| 36. | Cầu bánh lốp Tanado 50 tấn | Bánh lốp, tải trọng tối đa 50 tấn |
| 37. | Cầu bánh lốp Tanado 55 tấn | Bánh lốp, tải trọng tối đa 55 tấn |
| 38. | Cầu bánh xích Hitachi 135 tấn | Bánh xích 135 tấn |
| 39. | Cầu bánh xích Hitachi 90 tấn | Bánh xích, 90 tấn |
| 40. | Xe tải cầu Hyundai-Soosan 10 tấn | Tải gắn cần cầu 10 tấn |
| 41. | Xe tự ben 2 tấn | ben 2 tấn |
| 42. | Xe nâng người Genie Z62.40 | Tải trọng <=227kg Tầm với ngang 12,42 m Chiều cao làm việc tối đa 20,87m |
| 43. | Bộ thiết bị thở Sigma2PS + bình khí thở Cyl-Fwc 1860 | Cấu hình đơn 2,3kg (không chai khí) 300bar/ Kích thước dài x rộng x sâu: 600x278x200 |

(Nguồn: PTSC Quảng Ngãi)

10. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm/dịch vụ

10.1. Mục tiêu

Trong giai đoạn 2018 – 2020, PTSC Quảng Ngãi tiếp tục duy trì thị trường hiện tại ở Quảng Ngãi với khách hàng trọng tâm là NMLD Dung Quất đồng thời hướng đến các khách hàng tại thị trường từ Bắc Bộ đến Miền Tây Nam Bộ như: Tổ hợp lọc hóa dầu Long Sơn tại Vũng Tàu; Nhà máy Nhiệt điện Long Phú... Ngày 04/03/2019 sau khi nhận được cấp phép nhân chìm 14,3 triệu m³ bùn nạo

vét, Tổ hợp lọc hóa dầu Long Sơn đã có thể đẩy nhanh tiến độ thi công. Dự kiến sau khi hoàn thành, Tổ hợp sẽ sản xuất 950.000 tấn ethylen, 400.000 tấn PP, 450.000 tấn HDPE... Như vậy, đây là những khách hàng tiềm năng để PTSC Quảng Ngãi có thể mở rộng thị trường đối với dịch vụ Bảo dưỡng Sửa chữa và cung cấp vật tư, thiết bị.

Bên cạnh đó, PTSC Quảng Ngãi còn hướng đến mục tiêu cung cấp dịch vụ cơ khí dầu khí và xây lắp công trình công nghiệp cho Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất; Dự án mỏ khí Cá Voi Xanh và các Dự án điện khí...

Ngoài ra để đáp ứng kịp thời nhu cầu của các dự án lớn trong ngành dầu khí, PTSC Quảng Ngãi tiếp tục nghiên cứu phát triển thêm các sản phẩm dịch vụ như: Bảo dưỡng sửa chữa các loại bồn bể cho các Nhà máy Lọc-Hóa dầu, nhà máy công nghiệp; Tư vấn xây dựng hệ thống giám sát, quản lý ăn mòn; Các dịch vụ BDSC mang tính kỹ thuật, công nghệ cao...

Đối với thị trường nước ngoài (UAE, Malaysia, Thái Lan, Philippines, Myanmar, các nước Khu vực Trung Đông, Australia, Nhật Bản,), Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác Marketing để ký được 02 Hợp đồng với 02 Khách hàng mới đối với lĩnh vực xuất khẩu ra nước ngoài.

10.2. Giải pháp thực hiện:

Để phát triển khách hàng và thị trường mới, PTSC Quảng Ngãi phân công nhân sự chuyên trách theo dõi thường xuyên các trang báo đấu thầu, hệ thống đấu thầu quốc gia, theo dõi cập nhật thông tin đấu thầu quốc tế tại trang tin tendersinfo.com (Công ty đã mua tên miền) và cập nhật liên tục bám sát thông tin các dự án đã và đang thực hiện, tình hình các gói thầu sắp phát hành, lên kế hoạch tiếp cận Khách hàng ... để tham gia tối đa phạm vi công việc trong khả năng.

Công ty còn hợp tác với các đối tác đã có kinh nghiệm trong các sản phẩm mà Công ty cung cấp để thực hiện công tác liên danh/liên kết cùng nhau phát triển. Tăng cường công tác hợp tác liên danh với các Nhà cung cấp vật tư chế tạo kết cấu thép để cùng thực hiện công tác Marketing và phát triển thị trường nhằm tận dụng nguồn thông tin đa dạng từ các Nhà cung cấp này. Tiếp tục nghiên cứu tối ưu quy trình sản xuất, chế tạo để giảm thiểu chi phí sản xuất và hạ thấp giá thành sản phẩm.

Bên cạnh đó, Công ty còn tham gia tích cực các hội chợ, triển lãm quốc tế của ngành dầu khí để có thể gặp gỡ và tìm kiếm cơ hội hợp tác với các Khách hàng tiềm năng tại: UAE, Malaysia, Thái Lan, Philippines, Myanmar, các nước Khu vực Trung Đông, Australia, Nhật Bản....

10.3. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Hệ thống quản lý chất lượng mà PTSC Quảng Ngãi đang sử dụng:

| STT | Chứng nhận | Đơn vị chứng nhận | Số chứng nhận | Ngày bắt đầu | Ngày hết hiệu lực |
|-----|---|-------------------|---------------|--------------|-------------------|
| 1 | ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng | BSI | FS 622115 | 13/4/2004 | 08/3/2021 |
| 2 | ASME "U" Certification - Chế tạo và lắp đặt bình áp lực | ASME | 42771 | 12/12/2014 | 12/12/2020 |

| STT | Chứng nhận | Đơn vị chứng nhận | Số chứng nhận | Ngày bắt đầu | Ngày hết hiệu lực |
|-----|--|-----------------------------------|---------------|--------------|-------------------|
| 3 | ASME “S” Certification - Chế tạo và lắp đặt lò hơi | ASME | 42770 | 12/12/2014 | 12/12/2020 |
| 4 | NR “R” Certification - Sửa chữa, hoán cải lò hơi, bình áp lực và các công trình công nghiệp | NB | R-9635 | 11/12/2014 | 12/12/2020 |
| 5 | NB MDR Registration Authority - Đăng ký lò hơi và bình áp lực đến Hoa Kỳ và Bắc Mỹ | NB | N/A | 28/01/2015 | N/A |
| 6 | EN ISO 3834-2:2005 - Chứng nhận công tác hàn nóng chảy - Chế tạo và lắp ráp kết cấu thép và cấu kiện hàn cho nhà tiền chế và công nghiệp | Lloyd’s Register Deutschland GmbH | 50299/1 | 25/7/2018 | 24/7/2021 |

(Nguồn: PTSC Quảng Ngãi)

10.4. Hoạt động marketing

Để duy trì mối quan hệ hợp tác với các khách hàng hiện tại, PTSC Quảng Ngãi đã tiến hành lập danh sách và phân nhóm khách hàng, lên kế hoạch cụ thể để triển khai công tác chăm sóc, tiếp xúc, gặp gỡ đối với từng nhóm khách hàng một cách bài bản, hiệu quả. Định kỳ tổ chức gặp mặt riêng, tổ chức các chương trình gala, tham quan đối với các khách hàng thân thiết; Tổ chức hội nghị và tri ân khách hàng nhân dịp cuối năm.

Về công tác quảng bá thương hiệu, Công ty đã xây dựng Logo, bộ nhận dạng thương hiệu công bố trên website cũng như trên các sản phẩm, ấn phẩm khi cung cấp ra thị trường. Công ty cũng tích cực tham gia các sự kiện về thể thao, văn hóa, nghệ thuật, việc làm và các chương trình gặp gỡ với các doanh nghiệp là bạn hàng, đối tác tiềm năng, các cuộc hội thảo, triển lãm nhằm quảng bá hình ảnh, tên tuổi của Công ty.

Công ty cũng xác định rõ lĩnh vực cần thiết từ đó định hướng được khách hàng/đối tác cần hướng tới để có thể đưa ra sản phẩm, dịch vụ mới đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng. Đối với mục tiêu mở rộng thị trường trong nước và ngoài nước, Công ty đã lập kế hoạch Marketing chi tiết cụ thể và thực hiện đúng kế hoạch đề ra cũng như duy trì chế độ báo cáo định kỳ để kịp thời nắm bắt, điều chỉnh phương thức Marketing phù hợp.

10.5. Nhãn hiệu thương mại

Logo của Công ty:



10.6. Các hợp đồng lớn đã ký kết và đang thực hiện

Các hợp đồng lớn đã ký kết và đang thực hiện trong năm 2019

| STT | Tên Hợp đồng | Chủ đầu tư | Thời hạn hợp đồng | Giá trị Hợp đồng (đồng) |
|-----|--|------------------------------|---------------------------|-------------------------|
| 1 | Thuê dịch vụ thực hiện sơn chống ăn mòn năm 2019 tại khu vực P3-Jetty theo Đơn hàng số 369/18-2865/ĐH-BDSC-W | Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn | 03/04/2019 đến 30/10/2019 | 12,347,450,500 |
| 2 | Cung cấp dịch vụ gia công Roof Casing - Dự án Jawal | GE Power Systems Vietnam | 24/07/2019 đến 08/11/2019 | 15,780,959,824 |

(Nguồn: PTSC Quảng Ngãi)

Các hợp đồng tiêu biểu đã ký kết và hoàn thiện trong năm 2018

| STT | Tên Hợp đồng | Chủ đầu tư | Thời hạn hợp đồng | Giá trị Hợp đồng | Đơn vị tính |
|-----|------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|------------------|-------------|
| 1 | Thi công giá đỡ ống | Công ty CP Thép Hòa Phát DQ | 25/04/2018 đến 24/07/2018 | 19.836.960.000 | VNĐ |
| 2 | Gia công, lắp đặt đường ống | Công ty CP Thép Hòa Phát DQ | 14/05/2018 đến 13/08/2018 | 5.318.803.525 | VNĐ |
| 3 | Thi công ống ngầm | Công ty CP Thép Hòa Phát DQ | 20/07/2018 đến 19/10/2018 | 24.755.052.223 | VNĐ |
| 4 | Gia công kết cấu thép cho DongYang | Dongyang P&F | 28/12/2017 đến 13/06/2018 | 1.500.000 | USD |

(Nguồn: PTSC Quảng Ngãi)

11. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

Bảng 5: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Đơn vị: đồng

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2017 | Năm 2018 | % tăng/giảm | 6 tháng/2019 |
|----|----------------------|-----------------|-----------------|-------------|-----------------|
| 1 | Vốn chủ sở hữu | 32.567.802.018 | 48.767.168.403 | 49,74 | 54.900.482.106 |
| 2 | Tổng giá trị tài sản | 760.576.458.831 | 773.146.650.990 | 1,65 | 764.111.095.280 |

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2017 | Năm 2018 | % tăng/giảm | 6 tháng/2019 |
|----|--------------------------------|-----------------|-----------------|-------------|-----------------|
| 3 | Doanh thu thuần | 700.956.412.123 | 613.590.228.459 | (12,46) | 292.183.313.091 |
| 4 | Lợi nhuận thuần từ HĐKD | 27.444.692.514 | 18.670.644.313 | (46,99) | 7.637.773.135 |
| 5 | Lợi nhuận khác | 4.669.093.865 | 1.866.017.046 | (60,03) | 61.452.081 |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | 32.113.786.379 | 20.536.661.359 | (36,05) | 7.699.225.216 |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế | 32.113.786.379 | 16.199.366.385 | (49,56) | 6.133.313.703 |
| 8 | Giá trị sổ sách (đồng/cổ phần) | 1.086 | 1.626 | 49,74 | 1.830 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2018 và BCTC soát xét 6 tháng 2019 của PQN)

Khép lại năm 2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của PTSC Quảng Ngãi cũng bị ảnh hưởng do hệ lụy từ việc giá dầu sụt giảm và liên tục duy trì ở mức thấp trong những năm qua. Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo sát sao của Tổng Công ty PTSC, áp dụng hàng loạt các giải pháp quyết liệt, đồng bộ để đẩy mạnh phát triển kinh doanh, cắt giảm chi tiêu, tiết kiệm trong sản xuất kinh doanh,.

Doanh thu thuần của PTSC Quảng Ngãi được đóng góp từ doanh thu hợp đồng xây dựng và doanh thu cung cấp dịch vụ.

Đối với các hợp đồng xây dựng: Từ năm 2016, doanh thu từ hợp đồng xây dựng bắt đầu giảm dần tỷ trọng đóng góp vào tổng doanh thu của Công ty. Từ việc chiếm 66,43% tương ứng 608.755.891.432 đồng trong tổng doanh thu của năm 2016, sang năm 2017 tỷ trọng đóng góp từ các hợp đồng xây dựng giảm còn 54,19% tương ứng còn 379.877.780.272 đồng trên tổng doanh thu của Công ty, và tiếp tục giảm tỷ trọng còn 41,54% trong tổng doanh thu năm 2018 của Công ty (tương ứng 254.881.748.367 đồng). Sáu tháng đầu năm 2019, doanh thu từ hợp đồng xây dựng tiếp tục giảm còn 109.422.147.820 đồng và hiện chiếm tỷ trọng 37,45% trên tổng doanh thu của Công ty.

Đối với mảng cung cấp dịch vụ: Trái với việc giảm tỷ trọng của các hoạt động xây dựng, doanh thu từ cung cấp dịch vụ của Công ty đã tăng dần tỷ trọng trong tổng doanh thu từ 33,57% tổng doanh thu trong năm 2016 đã tăng lên 45,81% vào năm 2017 và tiếp tục tăng lên chiếm 58,46% tổng doanh thu của Công ty trong năm 2018. Trong 6 tháng đầu năm 2019, doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ đạt 182.761.165.271 đồng và chiếm tỷ trọng 62,55% trên tổng doanh thu của Công ty.

12. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

12.1. Vị thế của công ty trong ngành

Được thành lập từ năm 1997 với mục đích ban đầu là tham gia xây dựng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, cho đến nay PTSC Quảng Ngãi đã khẳng định được thương hiệu và trở thành tổng thầu EPC (tổng thầu thiết kế, mua sắm, xây dựng) các dự án trong lĩnh vực công nghiệp có giá trị hàng trăm triệu USD.

Việc chọn Dung Quất - Quảng Ngãi là nơi xây dựng Nhà máy lọc dầu đầu tiên của đất nước đã đem đến không chỉ thách thức mà còn nhiều cơ hội cho PTSC Quảng Ngãi. Cho đến nay, PTSC Quảng Ngãi đã thực hiện thành công một số dự án lớn với vai trò là tổng thầu EPC như: Dự án đầu tư bổ sung 2 bể chứa và đường bơm hút dầu thô dung tích 130.000 m³ cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất; Tổng thầu thiết kế, mua sắm và xây dựng Nhà máy nhiên liệu sinh học miền Trung công suất 100 triệu lít/năm; Tổng thầu kho chứa xăng dầu Dung Quất của PVOil.

Năm 2016, PTSC Quảng Ngãi đã triển khai đầu tư và nâng cấp bến số 1 cảng Dung Quất từ 50.000 DWT (đơn vị đo trọng tải của tàu) lên 70.000 DWT. Trong giai đoạn 2017 - 2020, PTSC Quảng Ngãi tiếp tục tập trung phát triển các loại hình dịch vụ là thế mạnh của Công ty như dịch vụ cơ khí, bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy lọc dầu, khai thác cảng biển, logistics, tàu lai dắt...

Đặc biệt trong năm 2017, PTSC Quảng Ngãi đã đảm nhận và hoàn thành 2 trong tổng số 7 gói thầu chính của đợt bảo dưỡng tổng thể lần 3 Nhà máy lọc dầu Dung Quất tuyệt đối an toàn, chất lượng.

PTSC Quảng Ngãi hiện nay được xem là nhà thầu trong nước có năng lực mạnh trong lĩnh vực xây lắp, bảo dưỡng các công trình dầu khí. Bằng việc kế thừa và phát huy thành công thương hiệu PTSC, PTSC Quảng Ngãi hiện nay không chỉ đảm nhận vận hành bến cảng số 1 Dung Quất, làm dịch vụ bảo dưỡng Nhà máy lọc dầu Dung Quất và lai dắt tàu ra vào cảng Dung Quất mà còn vươn ra Thanh Hóa để đảm nhận vai trò thi công gói thầu của Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn với giá trị hợp đồng hàng trăm triệu USD. Bên cạnh đó, PTSC Quảng Ngãi còn tham gia xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Long Phú (Sóc Trăng).

12.2. Triển vọng phát triển của ngành

Theo “Báo cáo tổng quan dầu mỏ thế giới 2016” do OPEC phát hành ngày 08/11/2016, nền kinh tế thế giới đang trên đà phục hồi và sẽ giữ mức tăng trưởng khoảng 3,7%/năm đến năm 2021. Trong dài hạn, GDP toàn cầu sẽ đạt mức 245 nghìn tỷ USD (theo sức mua tương đương - PPP năm 2011) vào năm 2040, ứng với mức tăng 235% so với năm 2015 và tương đương với tốc độ phát triển 3,5%/năm. Động lực tăng trưởng chính trong giai đoạn tới sẽ đến từ các nước đang phát triển, sẽ chiếm đến ¾ tăng trưởng GDP toàn cầu.

Dầu thô vẫn sẽ giữ vai trò là nguồn năng lượng sơ cấp chủ chốt do các nhu cầu đến từ xăng dầu nhiên liệu cho phương tiện và máy móc cùng với đó là ngành công nghiệp hóa chất. Nhựa và các vật liệu tiên tiến sẽ mang đến lợi ích cho nhà sản xuất và người tiêu dùng trong đó bao gồm cả hiệu quả trong tiêu thụ nhiên liệu.

Kinh tế Việt Nam đang phục hồi, mặc dù tốc độ tăng trưởng năm 2016 chỉ đạt 6,21%¹. Tuy nhiên trong bối cảnh kinh tế trong nước và quốc tế nhiều biến động và tiềm tàng nhiều yếu tố bất thường, đây là một tốc độ tăng trưởng đáng ghi nhận.

Đặc biệt, năm 2018 ghi nhận GDP của Việt Nam đạt 7,08% vượt qua dự báo của Ngân hàng Thế giới là mức 6,8% và cũng là con số cao nhất trong 10 năm qua kể từ cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008. Đáng nói hơn, với mức tăng trưởng cao nhưng lạm phát vẫn ở trong tầm kiểm soát 4% và môi trường đầu tư kinh doanh đang được không ngừng cải thiện. Dự báo GDP năm 2019 cũng sẽ ở

¹ Nguồn: Tổng cục thống kê

mức tương đương với năm 2018 (dự báo đạt 6,93%).²

13. Chính sách đối với người lao động

13.1. Số lượng người lao động trong công ty tại thời điểm 30/06/2019

Tính đến thời điểm 30/06/2019, PTSC Quảng Ngãi có 730 cán bộ công nhân viên, cụ thể được thể hiện như sau:

| STT | Nội dung | Số lượng | Tỷ lệ |
|-----------|----------------------------|------------|-------------|
| I | Phân theo giới tính | | |
| 1 | Nam | 645 | 88,36% |
| 2 | Nữ | 85 | 11,64% |
| | Tổng cộng | 730 | 100% |
| II | Phân theo trình độ | | |
| 1 | Trên đại học | 26 | 3,56% |
| 2 | Đại học | 254 | 34,79% |
| 3 | Cao đẳng, trung cấp | 348 | 47,67% |
| 4 | Lao động phổ thông | 102 | 13,98% |
| | Tổng cộng | 730 | 100% |

13.2. Chính sách đối với người lao động

Những năm qua, PTSC Quảng Ngãi luôn chú trọng chăm lo, nâng cao chất lượng đời sống vật chất tinh thần cho đội ngũ CBCNV thông qua việc đảm bảo thực hiện đầy đủ chế độ chính sách của người lao động.

Công ty đã thực hiện mua bảo hiểm 100% BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm con người cho người lao động. Bên cạnh đó, công đoàn Công ty cũng thường xuyên thăm hỏi và động viên người lao động có hoàn cảnh khó khăn, chăm lo đời sống cho người lao động. Công ty cũng luôn dành nhiều cơ hội thăng tiến cho những người có năng lực; thường xuyên điều chỉnh mức lương phù hợp với năng lực cũng như mặt bằng cuộc sống của người lao động. Từ năm 2016 đến nay, toàn công ty có 1658 SKCT, trong đó có 3 sáng kiến được giải thưởng SKCT cấp Hội đồng KHCN Tổng công ty (1 loại A, 2 loại B); 1 sáng kiến đạt giải thưởng “sáng tạo trẻ năm 2018” của Đoàn thanh niên Tổng Công ty; 1

² Nguồn: Tổng cục thống kê

sáng kiến đạt giải thưởng “tuổi trẻ sáng tạo năm 2018” của Đoàn thanh niên Tập đoàn.

Thu nhập bình quân đầu người tại Công ty qua các năm:

| Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 12.600.000 đồng/tháng | 12.600.000 đồng/tháng | 12.200.000 đồng/tháng |

Ngoài việc nỗ lực chăm lo cho đời sống người lao động, những năm qua công tác an sinh xã hội cũng luôn được Công ty chú trọng. Công ty đã hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa cho các hộ nghèo, tài trợ xây dựng nhiều trường học cho các em học sinh vùng sâu, vùng xa, hỗ trợ khắc phục thiệt hại do bão lũ miền Trung,...

13.3. Chính sách đào tạo

PTSC Quảng Ngãi là một trong những doanh nghiệp hàng đầu tỉnh Quảng Ngãi đặc biệt quan tâm chú trọng phát triển công tác đào tạo. Nhận thấy tầm quan trọng của việc đào tạo phát triển nguồn nhân lực góp phần phát triển sản xuất kinh doanh, Công ty đã vạch ra lộ trình, định hướng phát triển, mục tiêu đào tạo kèm theo những chính sách đào tạo phù hợp nhằm khuyến khích người lao động học hỏi, nâng cao kiến thức, kỹ năng ngày một cao hơn hòa nhập chung với xu hướng phát triển của thị trường nhân lực hiện nay.

Cụ thể hơn, Công ty triển khai hàng chục khóa đào tạo bên ngoài mỗi năm, bao gồm các khóa phát triển kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ; các khóa đào tạo cấp chứng chỉ theo quy định, pháp luật của Nhà nước; đặc biệt là các khóa đào tạo cấp chứng chỉ quốc tế (về ngành sơn, hàn): AWS-CWI, CSWIP 3.1, 3.2 và BGAS, API 510, API 570, API 936,... Người lao động được Công ty quan tâm tạo điều kiện để đi học, ôn thi, thi để cấp chứng chỉ và có thể thưởng nóng cho các cá nhân đạt kết quả tốt trong các kỳ thi quốc tế.

Đồng thời, đào tạo nội bộ cũng được các Bộ phận trong Công ty thường xuyên quan tâm, tổ chức đào tạo với nhiều chủ đề đa dạng phù hợp với tình hình công việc thực tế tại Bộ phận - góp phần cho các cá nhân cùng nhau chia sẻ kiến thức, phát triển kỹ năng công việc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty. Người lao động được khuyến khích đào tạo khi Công ty có chế độ chính sách bồi dưỡng cho cả Người lao động chủ trì hướng dẫn đào tạo lẫn người lao động tham gia lớp đào tạo nội bộ. Bên cạnh đó, Bộ phận tiêu biểu thúc đẩy phong trào đào tạo nội bộ khi tổ chức được nhiều khóa trong năm cũng được Công ty ưu tiên có chế độ thưởng hàng năm.

13.4. Chính sách khen thưởng

Cùng với tiền lương, chế độ khen thưởng là điểm nổi bật trong chính sách của PTSC Quảng Ngãi, giúp gia tăng thương hiệu tuyển dụng công ty. Đây là cách để chúng tôi ghi nhận và khen thưởng cho những đóng góp vào sự phát triển chung. Ngoài lương, PTSC Quảng Ngãi áp dụng những chính sách thưởng đa dạng, linh hoạt và hấp dẫn: thưởng các dịp lễ tết, thưởng hiệu quả sản xuất kinh doanh, thưởng “nóng” khi có thành tích vượt trội, thưởng cho tập thể lao động giỏi, cá nhân tiêu biểu, thưởng cho cán bộ quản lý lãnh đạo theo mức độ đóng góp vào kết quả kinh doanh hàng năm. Hàng tháng, căn cứ vào kết quả làm việc của CBCNV (Xếp loại A1), Công ty có chính sách khen thưởng đối với các tập thể hoặc cá nhân có thành tích hoặc sáng kiến trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phần thưởng được tính và trả ngay vào lương tháng đó của CBCNV.

Mức thưởng này sẽ được quy định cụ thể, chi tiết và công bằng cho từng cấp độ Công nhân viên.
Mục đích:

- Khen thưởng CBCNV theo mức độ hoàn thành mục tiêu cá nhân, tạo động lực làm việc.
- Tạo một môi trường thi đua lành mạnh để công nhân viên phát huy hết tiềm năng bản thân, thúc đẩy Công ty phát triển vững mạnh.
- Đáp ứng nhu cầu được công nhận của CBCNV, là phương tiện để thông báo rộng rãi thành tích và sự nỗ lực cá nhân mà CBCNV đã thể hiện.

14. Chính sách cổ tức

Chính sách trả cổ tức hàng năm của Công ty như sau:

- Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi hoặc đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật
- Ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả
- Số cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ sở hữu vốn góp
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHCĐ quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới

Năm 2018 Công ty không thực hiện chia cổ tức, nguyên nhân do lợi nhuận sau thuế năm 2018 đạt 16,2 tỷ đồng nhưng vẫn chưa bù đắp hết các khoản lỗ của năm trước (lỗ lũy kế đến hết năm 2018 là 255,9 tỷ đồng) nên Công ty không thực hiện chia cổ tức cho năm 2018.

Kế hoạch cổ tức 2019: Lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2019 là 14.4 tỷ đồng và vẫn chưa đủ bù đắp cho khoản lỗ của các năm trước (lỗ lũy kế kế hoạch đến hết năm 2019 là: 241,5 tỷ đồng nên kế hoạch năm 2019 Công ty sẽ không thực hiện chia cổ tức).

15. Tình hình tài chính

15.1. Các chỉ tiêu cơ bản

– Kỳ kế toán:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

– Khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| Loại tài sản cố định hữu hình | Số năm |
|--------------------------------------|---------------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 5 - 40 |

| | |
|---------------------------|--------|
| Máy móc và thiết bị | 5 - 20 |
| Phương tiện vận tải | 6 - 30 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 10 |
| Tài sản cố định khác | 4 |

– **Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

– **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty đã thực hiện tốt các nghĩa vụ công nợ cho các nhà cung cấp và đối tác, hiện Công ty không có bất cứ khoản nợ nào quá hạn. Các khoản nợ ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong các năm qua.

– **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty luôn nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động

Bảng 6: Các khoản phải nộp theo luật định của Công ty

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/06/2019 |
|----------------------------|-------------------|----------------------|----------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | - | 555.728.322 | 2.949.654.919 |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | - | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 50.667.600 | - | 57.752.631 |
| Thuế nhà đất | - | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 2.174.397.678 | 830.183.319 |
| Các loại thuế khác | - | - | - |
| Tổng | 50.667.600 | 2.730.126.000 | 3.837.590.869 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2018 và BCTC bán niên 2019 soát xét của PQN)

– **Tình hình trích lập các quỹ theo luật định**

Bảng 7: Số dư các quỹ của Công ty

| Chỉ tiêu | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/06/2019 |
|--------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - |
| Quỹ đầu tư phát triển | 4.707.250.551 | 4.707.250.551 | 4.707.250.551 |
| Quỹ dự phòng tài chính | - | - | - |
| Tổng | 4.707.250.551 | 4.707.250.551 | 4.707.250.551 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2018 và BCTC bán niên 2019 soát xét của PQN)

– **Tình hình công nợ hiện nay**

Bảng 8: Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/06/2019 |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 117.100.939.354 | 148.520.378.818 | 190.507.041.878 |
| Phải thu khách hàng | 72.057.445.424 | 98.258.377.825 | 118.389.145.095 |
| Trả trước cho người bán | 12.201.253.006 | 10.013.438.873 | 12.923.331.558 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 33.838.526.506 | 42.523.228.803 | 61.652.910.185 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (996.285.582) | (2.274.666.683) | (2.458.344.960) |
| Các khoản phải thu dài hạn | 11.516.550.273 | 11.516.550.273 | 13.516.550.273 |
| Phải thu dài hạn khác | 11.516.550.273 | 11.516.550.273 | 13.516.550.273 |
| Tổng | 128.617.489.627 | 160.036.929.091 | 204.023.592.151 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2018 và BCTC bán niên 2019 soát xét của PQN)

Bảng 9: Các khoản phải trả của Công ty*Đơn vị tính: đồng*

| Chỉ tiêu | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/06/2019 |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Các khoản phải trả ngắn hạn | 369.117.028.164 | 365.335.485.491 | 350.015.272.654 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 115.188.902.025 | 111.031.876.986 | 92.636.598.998 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 52.674.597.492 | 56.717.395.760 | 57.259.904.589 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 50.667.600 | 2.730.126.000 | 3.837.590.869 |
| Phải trả người lao động | 4.832.038.152 | 4.431.266.171 | 2.020.208.231 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 38.991.794.989 | 39.908.680.349 | 36.960.061.325 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 157.379.027.906 | 150.087.460.822 | 156.872.229.239 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | - | 428.679.403 | 428.679.403 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | - | - | - |
| Các khoản phải trả dài hạn | 358.891.628.649 | 359.043.997.096 | 359.195.340.520 |
| Phải trả dài hạn khác | 358.891.628.649 | 358.891.628.649 | 358.891.628.649 |
| Thuế và thu nhập hoãn lại phải trả | - | 152.368.447 | 303.711.871 |
| Tổng | 728.008.656.813 | 724.379.482.587 | 709.210.613.174 |

*(Nguồn: BCTC kiểm toán 2018 và BCTC bán niên 2019 soát xét của PQN)***15.2. Hàng tồn kho****Bảng 10: Chi tiết hàng tồn kho của Công ty***Đơn vị tính: đồng*

| Chỉ tiêu | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/06/2019 |
|--|----------------|----------------|----------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 2.771.877.616 | 1.050.720.496 | 2.508.227.780 |
| Công cụ, dụng cụ | - | 817.640.000 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*) | 18.412.414.855 | 34.817.972.988 | 14.594.356.895 |

| Chỉ tiêu | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/06/2019 |
|-------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tổng | 21.184.292.471 | 36.686.333.484 | 17.102.584.675 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2018 và BCTC bán niên 2019 soát xét của PQN)

(*) Chi tiết của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/06/2019 |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú | 4.915.873.511 | 5.756.986.695 | 5.935.298.004 |
| Dự án cung cấp lắp đặt thiết bị Hòa Phát | - | - | 2.704.749.010 |
| Dự án gia công kết cấu thép cho Batec Ies (8800) | 9.120.703.133 | - | 1.147.552.592 |
| Dự án gia công kết cấu thép cho Batec Ies (8851) | - | 17.897.475.357 | - |
| Dự án lắp dựng đường ống mạng ngoài | - | 6.984.514.655 | - |
| Dự án cung cấp vật tư thiết bị cho GE Power | - | - | 2.259.863.410 |
| Các dự án khác | 4.375.838.211 | 4.178.996.281 | 2.546.893.879 |
| Tổng | 18.412.414.855 | 34.817.972.988 | 14.594.356.895 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2018 và BCTC bán niên 2019 soát xét của PQN)

15.3. Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty

Bảng 11: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty

| STT | Khoản mục | ĐVT | Năm 2017 | Năm 2018 |
|------------|--|-----|----------|----------|
| I. | Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| 1 | Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 0,80 | 0,91 |
| 2 | Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 0,73 | 0,81 |
| II. | Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| 1 | Hệ số nợ/Tổng tài sản | Lần | 0,96 | 0,94 |
| 2 | Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | Lần | 22,35 | 14,85 |

| STT | Khoản mục | ĐVT | Năm 2017 | Năm 2018 |
|-------------|---|------|----------|----------|
| III. | Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| 1 | Vòng quay hàng tồn kho | vòng | 22,18 | 19,54 |
| 2 | Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân | Lần | 0,91 | 0,80 |
| IV. | Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| 1 | Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 4,58 | 2,64 |
| 2 | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 78,97 | 39,83 |
| 3 | Hệ số lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản bình quân | % | 4,19 | 2,11 |
| 4 | Tỷ suất lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 3,92 | 3,04 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2018 của PQN)

16. Tài sản

– Tài sản cố định

Bảng 12: Giá trị TSCĐ Công ty tại thời điểm 31/12/2018 và 30/06/2019

Đơn vị tính: đồng

| STT | Khoản mục | 31/12/2018 | | | 30/06/2019 | | |
|-------------------------|---------------------------------|------------------------|------------------------|----------------------------|------------------------|------------------------|----------------------------|
| | | Nguyên giá | Giá trị còn lại | GTCL/ Nguyên giá (%) | Nguyên giá | Giá trị còn lại | GTCL/ Nguyên giá (%) |
| I. | Tài sản cố định hữu hình | 811.975.258.315 | 331.725.411.689 | 40,85 | 812.679.158.695 | 305.201.885.428 | 37,56 |
| 1 | Nhà cửa, vật kiến trúc | 240.289.027.561 | 100.205.008.487 | 41,70 | 240.289.027.561 | 92.394.501.443 | 38,45 |
| 2 | Máy móc thiết bị | 74.130.249.348 | 30.216.554.848 | 40,76 | 73.711.249.728 | 25.591.391.569 | 34,72 |
| 3 | Phương tiện vận tải | 490.380.401.117 | 200.417.672.758 | 40,87 | 491.470.401.117 | 186.680.095.390 | 37,98 |
| 4 | Thiết bị, dụng cụ quản lý | 5.273.079.379 | 770.781.246 | 14,62 | 5.273.079.379 | 453.971.540 | 8,61 |
| 5 | Tài sản cố định khác | 1.902.500.910 | 115.394.350 | 6,07 | 1.935.400.910 | 81.925.486 | 4,23 |
| II. | Tài sản cố định vô hình | 2.664.298.029 | 275.726.892 | 10,35 | 2.664.298.029 | 213.730.231 | 8,02 |
| 1 | Phần mềm máy vi tính | 2.664.298.029 | 275.726.892 | 10,35 | 2.664.298.029 | 213.730.231 | 8,02 |
| Tổng cộng (I+II) | | 814.639.556.344 | 332.001.138.581 | 40,75 | 815.343.456.724 | 305.415.615.659 | 37,46 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2018 và BCTC bán niên 2019 soát xét của PQN)

– Tài sản dở dang dài hạn của Công ty

| Chỉ tiêu | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/06/2019 |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn (*) | 69.025.227.149 | 70.791.590.909 | 69.815.950.708 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 4.141.248.024 | 9.711.681.231 | 28.903.206.808 |
| Tổng | 73.166.475.173 | 80.503.272.140 | 98.719.157.516 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2018 và BCTC bán niên 2019 soát xét của PQN)

(*) Tại BCTC kiểm toán năm 2018: “Đây là giá trị của dự án Nhà máy Bio-fuels Ethanol (“Nhà máy Bio Ethanol”). Dự án này cơ bản đã hoàn thành khối lượng, đang thực hiện công tác bàn giao và quyết toán đối với chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học miền Trung. Số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 thể hiện khoản chi phí tương ứng với 5% giá trị hợp đồng. Khoản vay 5% giá trị này sẽ được ghi nhận sau khi hoàn thành công tác bàn giao và quyết toán theo dự án theo quy định của hợp đồng.

Theo đó, giá trị thu hồi của khoản chi phí này sẽ tùy thuộc vào giá trị quyết toán của dự án. Tại ngày lập báo cáo này, việc quyết toán dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng sẽ quyết toán được số tiền này với chủ đầu tư”.

– Tình hình sử dụng đất của Công ty

Bảng 13: Tình hình sử dụng đất đai của Công ty tại ngày 30/06/2019

| STT | Địa chỉ | Diện tích | Mục đích | Thời hạn sử dụng | Nguồn gốc | Hồ sơ pháp lý |
|-----|---|-----------|---------------------|------------------|---|-----------------------|
| 1 | Thửa đất số 5, tờ bản đồ số 3, Xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | 41.510,00 | Đất khu công nghiệp | 14-03-47 | Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm | CT 05238 (12/02/2015) |
| 2 | Xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | 80.000,40 | Đất khu công nghiệp | 18-01-56 | Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm | CT 00489 (18/7/2011) |
| 3 | Xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | 95.727,00 | Đất khu công nghiệp | 25-04-61 | Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm | CT 06473 (10/6/2016) |
| 4 | Lô 4H, đường Tôn Đức Thắng, TP Quảng Ngãi | 4.070,00 | Đất cơ sở SXKD | 20-02-44 | Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê | CT 01396 (30/5/2012) |

| STT | Địa chỉ | Diện tích | Mục đích | Thời hạn sử dụng | Nguồn gốc | Hồ sơ pháp lý |
|-----|---------|-----------|----------|------------------|--------------|---------------|
| | | | | | đất hàng năm | |

(Nguồn: PTSC Quảng Ngãi)

17. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 14: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức Công ty

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | | Năm 2020 | |
|--|-----------------|-----------------------------|-----------------|-----------------------------|
| | Kế hoạch | % tăng giảm so với năm 2018 | Kế hoạch | % tăng giảm so với năm 2019 |
| Vốn điều lệ | 300.000.000.000 | - | 300.000.000.000 | - |
| Doanh thu thuần | 600.000.000.000 | (2,21)% | 700.000.000.000 | 16,67% |
| Lợi nhuận sau thuế | 14.400.000.000 | (11,11)% | 16.800.000.000 | 16,67% |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 2,40 % | - | 2,40% | - |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ | 4,80% | - | 5,60% | - |
| Cổ tức (%) | - | - | - | - |

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ Thường niên năm 2019 số 28/NQ-DKVN-ĐHĐCĐ ngày 13/05/2019 của PTSC Quảng Ngãi)

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận nói trên

Là công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (Tổng Công ty), kế hoạch sản xuất kinh doanh của PTSC Quảng Ngãi được xây dựng dựa trên chiến lược phát triển đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 của Tổng Công ty.

Dựa trên kế hoạch 05 năm giai đoạn 2016 - 2020 của Tổng Công ty đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) phê duyệt, PTSC Quảng Ngãi cũng xây dựng cho mình kế hoạch phát triển 2017 - 2020 dựa trên kết quả thực hiện kế hoạch SXKD thực tế của các năm trước cũng những hợp đồng đã và đang được ký kết.

Thuận lợi để đạt được kế hoạch nêu trên:

Thương hiệu, chất lượng Dịch vụ của Tổng Công ty PTSC nói chung và PTSC Quảng Ngãi nói riêng luôn được các cấp Lãnh đạo quan tâm, được đề cao phát triển.

Đối với các khách hàng lớn trong nước như Công ty Cổ phần Lọc hóa Dầu Bình Sơn (BSR) luôn tin tưởng và tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp Dịch vụ tàu lai dặt và tàu chuyên ngành Dầu khí, tham gia cung cấp Dịch vụ BDSC và vật tư thiết bị cho hoạt động BDSC thường xuyên Nhà máy Lọc Dầu Dung Quất (NMLD Dung Quất). Bên cạnh đó, Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1, Dự án Lọc hóa Dầu Long Sơn, Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất đang được đẩy nhanh tiến độ triển khai, đây là cơ hội để phát triển Dịch vụ cơ khí Dầu khí và xây lắp công trình công nghiệp.

Đối với các khách hàng quốc tế như Nhà thầu Hàn Quốc, Úc, Ý, Thyssenkrupp,... đang mở rộng tìm kiếm đối tác tại Việt Nam, đây cũng là cơ hội để PTSC Quảng Ngãi tiếp cận và tham gia đấu thầu, cung cấp Dịch vụ gia công chế tạo và xuất sản phẩm đi nước ngoài.

Ngoài việc thuận lợi từ các dự án lớn, PTSC Quảng Ngãi còn có phần lớn đội ngũ cán bộ, người lao động của Công ty trẻ, tâm huyết, chịu khó, có trình độ, tay nghề tốt và đặc biệt là luôn mong muốn được làm việc, được cống hiến, được xây dựng PTSC Quảng Ngãi nói riêng, PTSC nói chung ngày một phát triển và lớn mạnh.

Dự báo thị trường năm 2019:

- Đối với Dịch vụ căn cứ Cảng và logistics: Theo dự báo của hệ thống Pisico Quảng Nam, Kim Thành Lưu, PP Quảng Nam, năm 2018 - 2019 sản lượng dăm gỗ xuất khẩu có xu hướng giảm do Cảng Hào Hưng đi vào hoạt động. Đối với các mặt hàng khác như thiết bị, hàng rời có xu hướng tăng đột biến do Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất đang khởi công, hàng đóng bao tiếp tục duy trì ổn định như các năm 2016 - 2017.
- Đối với Dịch vụ tàu lai dặt và tàu chuyên ngành Dầu khí: Nhu cầu của BSR tiếp tục duy trì ổn định.
- Đối với Dịch vụ BDSC và cung cấp vật tư thiết bị cho NMLD Dung Quất: Nhu cầu BDSC của BSR tiếp tục duy trì và trong năm 2019, Dịch vụ này sẽ tăng lên vì NSRP (Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn) tiến hành BDSC tổng thể lần 1.
- Đối với Dịch vụ cơ khí Dầu khí và xây lắp công trình công nghiệp: Dự án Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1, Dự án Lọc hóa dầu Long Sơn, Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất đang được đẩy nhanh tiến độ triển khai. Dự án mỏ khí Cá Voi Xanh cũng đang được Chính phủ và các Nhà đầu tư hết sức quan tâm, nên dự báo sẽ phát triển hơn so với năm 2017.

Bảng 15: Kết quả thực hiện 6 tháng 2019 so với kế hoạch năm 2019*Đơn vị tính: đồng*

| Chỉ tiêu | 6 tháng 2018 | 6 tháng 2019 | % tăng (giảm) so với 2018 | Kế hoạch năm 2019 | |
|--------------------|-----------------|-----------------|---------------------------------|-------------------|-----------------|
| | | | | Giá trị | % 6 tháng/KH |
| Tổng doanh thu | 267.651.427.213 | 292.183.313.091 | 9,17 | 600.000.000.000 | 48,70 |
| Lợi nhuận sau thuế | 7.553.072.790 | 6.133.313.703 | (18,8) | 14.400.000.000 | 42,59 |

*(Nguồn: PTSC Quảng Ngãi)***18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng:** Không**19. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh**

Trong giai đoạn 2018 - 2022, trên cơ sở đánh giá về môi trường kinh doanh nêu trên, Công ty xác định quan điểm và mục tiêu thực hiện chiến lược kinh doanh như sau:

Mục tiêu tổng quát:

- Tập trung phát triển ổn định và bền vững các lĩnh vực: dịch vụ căn cứ cảng và logistics; dịch vụ tàu lai dắt và tàu chuyên ngành dầu khí; dịch vụ BDSC & cung cấp vật tư thiết bị cho NMLD. Phân đầu duy trì và phát triển dịch vụ cơ khí chế tạo và xây lắp công trình công nghiệp, đặc biệt là nghiên cứu, phát triển mảng gia công, xuất khẩu kết cấu thép ra nước ngoài.
- Phân đầu tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân từ năm 2019 - 2025 và định hướng đến 2035 là 10%/năm.
- Nghiên cứu đầu tư mở rộng Cảng, trang thiết bị BDSC và tàu dịch vụ chuyên ngành dầu khí.
- Tăng năng suất lao động bình quân mỗi năm ít nhất là 2%/năm.
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân hàng năm ít nhất 10%/năm và tỷ suất lợi nhuận bình quân trước thuế trên doanh thu ít nhất là 5%/năm.

Mục tiêu phát triển cụ thể:

Tập trung phát triển ổn định và bền vững 04 loại hình Dịch vụ chính của Công ty:

- Dịch vụ căn cứ cảng và logistics: Tập trung khai thác 100% công suất Cảng Dung Quất, duy trì và phát triển dịch vụ logistics (giao nhận, vận chuyển nội địa, vận chuyển container,...) và dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ hải quan nhằm đáp ứng nhu cầu dịch vụ cho các hoạt động trên địa bàn KKT Dung Quất và miền Trung. Phân đầu tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân mỗi năm là 10%/năm giai đoạn 2019 - 2025 và 2 - 3%/năm giai đoạn 2026 - 2035.
- Dịch vụ tàu lai dắt và tàu chuyên ngành dầu khí: Đẩy mạnh phát triển đội tàu dịch vụ dầu khí nhằm duy trì chiếm giữ 80% thị trường KKT Dung Quất. Phân đầu tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân mỗi năm là 7%/năm giai đoạn 2019 - 2025, 3%/năm giai đoạn 2026 - 2035.
- Dịch vụ BDSC và cung cấp VTTB cho NMLD: Phân đầu tăng trưởng, chiếm lĩnh thị phần dịch vụ O&M cho các công trình dầu khí. Mức tăng trưởng doanh thu đạt 20%/năm giai đoạn 2019 - 2025

và 3 - 5%/năm giai đoạn 2026 - 2035.

- Dịch vụ cơ khí chế tạo và xây lắp công trình công nghiệp: Phân đấu đến năm 2025 trở thành một Nhà thầu EPC lớn mạnh trong lĩnh vực gia công chế tạo và lắp đặt kết cấu thép, thiết bị tĩnh và hướng đến tiệm cận trong lĩnh vực thiết bị quay; phân đấu trở thành một trong những Nhà thầu tại Việt Nam xuất khẩu sản phẩm kết cấu thép ra nước ngoài đảm bảo chất lượng, uy tín, thỏa mãn yêu cầu của khách hàng. Mức tăng trưởng doanh thu đạt 20%/năm giai đoạn 2019 - 2025 và 3 - 5%/năm giai đoạn 2026 - 2035.

Giải pháp thực hiện:

Để PTSC Quảng Ngãi có thể đạt được mục tiêu của chiến lược kinh doanh đề ra, Công ty đã đề ra các giải pháp cụ thể:

Giải pháp về tổ chức, quản lý sản xuất: Luôn luôn cải tiến bộ máy tổ chức của Công ty phù hợp với tình hình phát triển theo từng giai đoạn và theo hướng tinh gọn chuyên sâu, tập trung rà soát, sắp xếp, bố trí CBCNV hợp lý; Xây dựng đề án nâng cao năng lực cạnh tranh cho từng loại hình dịch vụ nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững trong môi trường kinh doanh đầy thách thức trong tương lai. Không ngừng hoàn thiện hệ thống định mức KTKT để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công việc. Tăng cường công tác quản lý vật tư, BDSC phương tiện, máy móc, công cụ dụng cụ tránh lãng phí, thất thoát. Hoàn thiện hệ thống quản lý và kiểm soát chất lượng, an toàn, sức khỏe, môi trường, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ của Công ty.

Giải pháp về thị trường: Nhằm đánh giá, phân tích sát nhất hướng phát triển của thị trường trong nước và quốc tế cũng như duy trì mở rộng mối quan hệ hợp tác với khách hàng, Công ty không chỉ tăng cường công tác chăm sóc khách hàng, theo dõi chặt chẽ kế hoạch đầu tư, chiến lược kinh doanh của từng khách hàng mà Công ty còn xây dựng chiến lược Marketing cho từng nhóm loại hình dịch vụ. Đồng thời để không ngừng làm thỏa mãn khách hàng, PTSC Quảng Ngãi thực hiện công tác thu thập, tìm hiểu, ghi nhận và rút kinh nghiệm các đánh giá của khách hàng. Thực hiện chiến lược tự quảng cáo mình trên công việc thực tế đang thực hiện, giữ chân khách hàng và làm tiền đề cho các cơ hội tìm kiếm khách hàng tiềm năng khác trong tương lai.

Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực: Thông qua công tác đào tạo, tuyển dụng, kèm cặp, quy hoạch, luân chuyển, đánh giá cán bộ để phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, trình độ chuyên môn và kỹ năng quản lý cao. Chú trọng phát triển bộ phận thương mại, marketing, tài chính và quản lý dự án theo hướng chuyên nghiệp. PTSC Quảng Ngãi cũng không ngừng nghiên cứu giải pháp về lương, thưởng, chế độ chính sách để thu hút và giữ chân người tài, động viên từng nhân viên phấn đấu, đảm bảo tăng hiệu quả lao động.

Giải pháp về đầu tư: Nghiên cứu đầu tư có trọng tâm, trọng điểm các máy móc, thiết bị chuyên dụng phục vụ công tác BDSC NMLD và phục vụ lĩnh vực xây lắp công trình công nghiệp (ưu tiên các lĩnh vực chủ lực, đầu tư theo giai đoạn, theo nhu cầu thị trường, tối đa hóa công suất thiết bị máy móc). Nghiên cứu đầu tư mở rộng Xưởng cơ khí, hình thành khu dịch vụ cơ khí, BDSC, khu hậu cần cảng nhằm phục vụ cho ngành công nghiệp lọc hóa dầu, công nghiệp khí, điện khí, công nghiệp nặng,...

Giải pháp về nghiên cứu, phát triển: Công ty luôn khuyến khích, xúc tiến hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước về KHCN đặc biệt là các trung tâm và Viện nghiên cứu, các trường Đại học, các đơn

vi/ Công ty có kinh nghiệm,... Đồng thời Công ty đã thiết lập quỹ nghiên cứu và phát triển nhằm đảm bảo nguồn lực tài chính tối thiểu phục vụ công tác nghiên cứu, thực hiện đề tài khoa học được phát động trong toàn thể CBCNV. Kịp thời cải tiến, hợp lý hóa sản xuất và có chế độ khen thưởng đối với các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, các giải pháp tối ưu về công nghệ và quản lý.

Giải pháp về an toàn, sức khỏe, môi trường (HSE): Công ty tiếp tục giữ vững cam kết về An toàn, Sức khỏe, Môi trường, Chất lượng dịch vụ với khách hàng. Duy trì An toàn, Sức khỏe, Môi trường, Chất lượng phù hợp với từng loại hình dịch vụ theo các tiêu chuẩn quốc tế đã được công nhận. Đặc biệt, Công ty luôn cập nhật các chính sách về công tác An toàn, Sức khỏe, Môi trường, Chất lượng của khách hàng, đặc biệt là NMLD Dung Quất để nghiên cứu và áp dụng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

20. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty: Không

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị (HDQT)

| STT | Họ tên | Chức vụ |
|-----|----------------------|--|
| 1 | Ông Nguyễn Trần Toàn | Chủ tịch HDQT (Thành viên HDQT không điều hành) |
| 2 | Ông Dương Hùng Văn | Thành viên HDQT (Thành viên HDQT không điều hành) |
| 3 | Ông Phạm Văn Hùng | Thành viên HDQT kiêm Giám Đốc (Thành viên HDQT điều hành) |

❖ Ông Nguyễn Trần Toàn - Chủ tịch HDQT

- Họ tên : Nguyễn Trần Toàn
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 27/12/1964
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Phường 13, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
- Số CMND : 031064003420 Nơi cấp: Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư Ngày cấp: 22/03/2017
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Khai thác máy tàu biển/Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Cơ quan công tác | Chức vụ |
|-------------------|-------------------------------------|-----------------------------|
| 07/1988 - 06/1993 | Công ty Vận tải biển Hải Phòng | Kỹ sư Máy II hạng II |
| 07/1993 - 12/1997 | Xí nghiệp Tàu dịch vụ Dầu khí, PTSC | Máy trưởng |
| 01/1998 - 12/1999 | Xí nghiệp Tàu Dịch vụ Dầu khí, PTSC | Nhân viên giám sát kỹ thuật |

| Thời gian | Cơ quan công tác | Chức vụ |
|-------------------|--|--|
| 01/2000 - 12/2000 | Xí nghiệp Tàu Dịch vụ Dầu khí, PTSC | Phó phòng Kỹ thuật - Vật tư |
| 01/2001 - 05/2001 | Xí nghiệp Tàu Dịch vụ Dầu khí, PTSC | Trưởng phòng Kỹ thuật - Vật tư |
| 06/2001 - 06/2005 | Xí nghiệp Dịch vụ Cơ khí Hàng hải, PTSC | Phó Giám đốc |
| 07/2005 - 03/2006 | Xí nghiệp Dịch vụ Cơ khí Hàng hải, PTSC | Phó Giám đốc phụ trách Xí nghiệp |
| 04/2006 - 03/2007 | Xí nghiệp Dịch vụ Cơ khí Hàng hải, PTSC | Giám đốc |
| 04/2007 - 11/2007 | Công ty Dịch vụ Cơ khí Hàng hải, PTSC | Chủ tịch kiêm Giám đốc |
| 12/2007 - 11/2010 | Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam | Phó Tổng Giám đốc |
| 11/2010 - 05/2013 | Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam. | Phó Tổng Giám đốc, Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam. |
| | Chi nhánh PTSC – Ban dự án Nhiệt điện Long Phú. | Giám đốc Chi nhánh PTSC Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú. |
| 05/2013 - 09/2016 | Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam | Phó Tổng Giám đốc, Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam. |
| | Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC | Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC. |
| | CTCP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa | Chủ tịch Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa |
| 09/2016 - 09/2017 | Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam | Phó Tổng Giám đốc Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam |
| | Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC | Chủ tịch Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC, |
| | Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa | Chủ tịch Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa |
| 27/09/2017 - nay | Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam | Phó Tổng Giám đốc, Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam |
| | Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC | Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC |

– Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu

khí Việt Nam

- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT (Thành viên không điều hành)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,02% Vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện cho Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam: 13.558.100 cổ phần (Chiếm 45,194% Vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

❖ Ông Dương Hùng Văn - Thành viên HĐQT

- Họ tên : Dương Hùng Văn
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 05/07/1975
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : C10 Khu Phương Nam, thành phố Vũng Tàu.
- Số CMND : 273046421 Nơi cấp: Bà Rịa Vũng Tàu Ngày cấp: 03/06/2014
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng/Cử nhân quản trị kinh Doanh
- Quá trình công tác

| Thời gian | Cơ quan công tác | Chức vụ |
|-------------------|--|---|
| 1997 - 1998 | Công ty MITSUI | Kỹ sư Giám sát và tổ chức thi công tại công trình |
| 1998 - 1999 | Công ty TOA COOPERATION | Kỹ sư Giám sát và tổ chức thi công tại công trình |
| 1999 - 2000 | Công ty EAST WIND VIETNAM | Kỹ sư trưởng dự án xây dựng nhà máy Bột cá |
| 2000 - 2001 | Công ty HUYNDAI ENGINEERING | Kỹ sư Giám sát và tổ chức thi công tại công trình |
| 2001 - 2002 | Công ty SAMSUNG ENGINEERING | Kỹ sư Giám sát |
| 08/2002 - 11/2003 | Xí nghiệp Dịch vụ Cơ khí hàng hải PTSC | Phó Giám đốc thi công Dự án Nam Côn Sơn, cảng Thị Vải, huyện Tân Thành |
| 12/2003 - 07/2004 | Xí nghiệp Dịch vụ Cơ khí hàng hải PTSC | Tổ trưởng Tổ Xây dựng và trang trí - Phòng Kỹ thuật sản xuất. |
| 08/2004 - 06/2005 | Xí nghiệp Dịch vụ Cơ khí hàng hải PTSC | Dự án C-CCPP - Giám sát thi công và điều phối các hoạt động tại công trường |
| 06/2005 - 02/2008 | Công ty Dịch vụ Cơ khí | - Tổ trưởng tổ xây dựng. |

| Thời gian | Cơ quan công tác | Chức vụ |
|-------------------|---|---|
| | hàng hải | - Phó phòng kỹ thuật. - Giám đốc Dự án 5B xây dựng cảng xuất nhập sản phẩm tại KKT Dung Quất. - Phó Giám đốc Công ty. |
| 02/2008 - 12/2011 | Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC |
| | Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC | Giám đốc Công ty, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC |
| 12/2011 đến nay | Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC | Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC. |
| | Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc CTCP Dịch vụ lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC. |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức: Thành viên Hội đồng quản trị (Thành viên không điều hành)
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,17% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu đại diện cho Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam: 9.000.000 cổ phần (Chiếm 30% Vốn Điều lệ).
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần.

❖ Ông Phạm Văn Hùng - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

- Họ tên : Phạm Văn Hùng
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 13/06/1977
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Tổ 9, phường Quảng Phú, tp.Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
- Số CMND : 212083252 Nơi cấp: CA Quảng Ngãi Ngày cấp: 18/05/2017
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ quản lý kinh tế/Kỹ sư kinh tế và quản trị doanh nghiệp dầu khí
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty
- Quá trình công tác

| Thời gian | Cơ quan công tác | Chức vụ |
|-------------------|---|---|
| 12/2000 - 09/2001 | Chi nhánh Công ty Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi | Nhân viên bán xăng dầu |
| 10/2001 - 06/2002 | Chi nhánh Công ty Dịch vụ Dầu khí tại Quảng Ngãi. | Nhân viên kinh doanh Gas/Trạm trưởng trạm kinh doanh nhiên liệu |
| 07/2002 - 06/2005 | Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí tại Quảng Ngãi | Nhân viên Điều độ/Tổ trưởng Tổ điều độ Cảng Dung Quất |
| 07/2005 - 10/2005 | Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí tại Quảng Ngãi | Phó Giám đốc Dự án cung cấp đá để xử lý túi bùn đê chắn sóng Dung Quất. |
| 11/2005 - 10/2007 | Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi | Đội trưởng Đội Dịch vụ Cảng Dung Quất |
| 11/2007 - 01/2012 | Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC | Phó Giám đốc |
| 01/2012 – Nay | Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Chức vụ hiện nay ở tổ chức: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc (Thành viên điều hành).
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,07% Vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện cho Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam: 6.000.000 cổ phần (Chiếm

20% Vốn Điều lệ)

+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần.

2. Ban kiểm soát

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|------------------------|----------------------|
| 1 | Nguyễn Văn Bảo | Trưởng ban Kiểm Soát |
| 2 | Nguyễn Tấn Tinh | Kiểm Soát Viên |
| 3 | Nguyễn Thị Phương Thảo | Kiểm Soát Viên |

❖ Ông Nguyễn Văn Bảo - Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ tên : Nguyễn Văn Bảo
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 08/11/1977
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 128/24 Hoàng Văn Thụ, P7, tp.Vũng Tàu
- Số CMND : 273041489 Nơi cấp: CA Vũng Tàu Ngày cấp: 10/06/2010
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính Tín dụng
- Quá trình công tác

| Thời gian | Nghề nghiệp | Cơ quan công tác | Chức vụ |
|-------------------|-------------------|--|--|
| 2000 - 09/2001 | Nhân viên | Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bà Rịa-Vũng Tàu | Nhân viên Tín dụng |
| 09/2001 - 04/2003 | Nhân viên | Xí nghiệp Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC | Nhân viên Kế toán |
| 04/2003 - 12/2005 | Quản lý cấp trung | Xí nghiệp Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC | Phó phòng Tài chính Kế toán |
| 12/2005 - 05/2009 | Quản lý cấp trung | Xí nghiệp Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC (Nay là Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC) | Trưởng phòng Tài chính Kế toán |
| 05/2009 - 05/2018 | Quản lý cấp trung | Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam | Phó Trưởng Ban Tài chính Kế toán |
| | Quản lý cấp trung | Chi nhánh Tổng công ty - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí | Trưởng phòng Tài chính Kế toán |
| | Quản lý cấp trung | Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC | Trưởng Ban kiểm soát (kiêm nhiệm từ 12/2010) |
| 05/2018 - nay | Quản lý cấp trung | Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam | Kế toán Trưởng |
| | Quản lý cấp trung | Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC | Trưởng Ban kiểm soát |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Chức vụ hiện nay ở tổ chức: Trưởng Ban kiểm soát
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ.
 - + Sở hữu đại diện cho tổ chức: 0 cổ phần (0% Vốn Điều lệ)
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần.

❖ Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ tên : Nguyễn Thị Phương Thảo
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 24/11/1990
- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Đức Phong, Mộ Đức, Quảng Ngãi
- Số CMND : 212688468 Nơi cấp: CA Quảng Ngãi Ngày cấp: 09/08/2005
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính ngân hàng
- Quá trình công tác

| Thời gian | Cơ quan công tác | Chức vụ |
|-------------------|--|--------------------------|
| 10/2012 - 09/2014 | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh TP.HCM | Nhân viên Giao dịch |
| 09/2014 - nay | Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC | Thành viên Ban kiểm soát |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức: Thành viên Ban kiểm soát
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện cho tổ chức: 0 cổ phần (0% Vốn Điều lệ)
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần.

❖ Ông Nguyễn Tấn Tinh - Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ tên : Nguyễn Tấn Tinh
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 07/01/1984
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Bình Hòa, Bình Sơn, Quảng Ngãi
- Số CMND : 212162189 Nơi cấp: CA Quảng Ngãi Ngày cấp: 05/06/2015

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác

| Thời gian | Cơ quan công tác | Chức vụ |
|----------------|---|-------------------|
| 2008 – 08/2010 | Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam | Nhân viên Nhân sự |
| 09/2010 - nay | Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC | Thành viên BKS |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức: Thành viên Ban kiểm soát
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện cho tổ chức: 0 cổ phần (0% Vốn Điều lệ)
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần.

3. Ban Giám đốc

| STT | Họ tên | Chức vụ |
|-----|----------------------|----------------------------|
| 1 | Ông Phạm Văn Hùng | Giám đốc - Thành viên HĐQT |
| 2 | Ông Nguyễn Văn Chinh | Phó Giám đốc |
| 3 | Ông Ngô Tấn Quảng | Phó Giám đốc |

❖ **Ông Phạm Văn Hùng - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc:** (Được trình bày tại phần Sơ yếu lý lịch của HĐQT)

❖ **Ông Nguyễn Văn Chinh - Phó Giám đốc**

- Họ tên : Nguyễn Văn Chinh
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 29/12/1977
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 363/43 Nguyễn Trãi, tp. Quảng Ngãi
- Số CMND : 233037176 Nơi cấp: CA Quảng Ngãi Ngày cấp: 25/06/2015
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ quản lý kinh tế/Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác

| Thời gian | Cơ quan công tác | Chức vụ |
|-------------|---|----------------------------|
| 2001 – 2005 | Văn phòng huyện ủy huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum | Chuyên viên Kinh tế |
| 2005 – 2007 | Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC | Nhân viên phòng Thương mại |
| 2007 – 2008 | Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC | Phó phòng Thương Mại |
| 2008 – 2012 | Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC | Trưởng phòng Thương Mại |
| 2012 – nay | Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC | Phó Giám đốc |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Chức vụ hiện nay ở tổ chức: Phó Giám đốc
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện cho tổ chức: 0 cổ phần (0% Vốn Điều lệ)
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần.

❖ **Ông Ngô Tấn Quảng - Phó Giám đốc**

- Họ tên : Ngô Tấn Quảng
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 20/09/1976
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : đường Trần Ngọc Sương, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng
- Số CMND : 201269142 Nơi cấp: CA Đà Nẵng Ngày cấp: 14/08/2010
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí tàu thuyền
- Quá trình công tác

| Thời gian | Cơ quan công tác | Chức vụ |
|-------------------|---|---|
| 2000 - 2002 | Nhà máy đóng tàu Hyundai Vinashin | Nhân viên Giám sát chất lượng vỏ tàu |
| 2002 - 2004 | Xí nghiệp Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC M&C | Tổ Trưởng tổ QC |
| 2004 - 2007 | Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi | Phó Giám đốc phụ trách Kỹ thuật |
| 2007 - 2012 | Đăng kiểm DNV Việt Nam | Trưởng Đại diện phụ trách khu vực miền Trung |
| 06/2012 - 07/2014 | Đăng kiểm DNV Korea | Nhóm trưởng tham gia Dự án đóng mới Giàn khoan tại Hàn Quốc |
| 07/2014 - 02/2016 | Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC | Chuyên gia cấp III |
| 03/2016 - nay | Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC | Phó Giám đốc Công ty |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Chức vụ hiện nay ở tổ chức: Phó Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0% Vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện cho tổ chức: 0 cổ phần (0% Vốn điều lệ)
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần.

4. Kế toán trưởng

❖ Ông Trịnh Lương Một - Kế toán Trưởng

- Họ tên : Trịnh Lương Một
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 06/10/1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Nghĩa Kỳ, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi
- Số CMND : 211929851 Nơi cấp: CA Quảng Ngãi Ngày cấp: 18/06/2008
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản lý kinh tế/Cử nhân kinh doanh Thương mại/Cao đẳng Kế toán
- Quá trình công tác

| Thời gian | Cơ quan công tác | Chức vụ |
|-------------------|--|---------------------------------------|
| 12/2000 - 04/2005 | Công ty 19/8 Quảng Ngãi | Nhân viên |
| 05/2005 - 06/2008 | Chi nhánh Công ty Dịch vụ Dầu khí tại Quảng Ngãi | Nhân viên phòng Tài chính Kế toán |
| 07/2008 - 06/2009 | Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí tại Quảng Ngãi | Phó phòng Tài chính Kế toán |
| 08/2009 - 02/2011 | Công ty CP Bảo dưỡng sửa chữa công trình dầu khí PMC | Trưởng phòng Tài chính Kế toán |
| 03/2011 - 05/2013 | Công ty CP DVĐK Quảng Ngãi PTSC | Phó phòng Tài chính Kế toán |
| 06/2013 - 09/2014 | Công ty CP DVĐK Quảng Ngãi PTSC | Phó phụ trách phòng Tài chính Kế toán |
| 10/2014 – nay | Công ty CP DVĐK Quảng Ngãi PTSC | Kế toán Trưởng |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- Chức vụ hiện nay ở tổ chức: Kế toán trưởng
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện cho tổ chức: 0 cổ phần (0% Vốn Điều lệ)
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần.

5. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Bộ máy quản lý: Công ty thực hiện cơ cấu tổ chức Bộ máy quản lý với cơ cấu chức năng của từng phòng ban gọn nhẹ. Bên cạnh đó, Công ty sẽ thực hiện sắp xếp lại nhân sự của mỗi phòng ban vừa phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh vừa tối ưu hóa tính hiệu quả của mô hình hoạt động.

Nguồn nhân lực: Công ty thực hiện xây dựng kế hoạch về việc nâng cao chất lượng nhân sự thông qua đào tạo nâng cao nghiệp vụ của các cán bộ công nhân viên.

Bên cạnh đó để tăng cường công tác quản trị công ty, PTSC Quảng Ngãi sẽ tuân thủ theo các quy định thuộc Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 06/06/2017 về việc hướng dẫn về quy chế quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với Công ty đại chúng.

PTSC Quảng Ngãi sẽ tham chiếu Điều lệ mẫu tại Phụ lục số 01 và mẫu Quy chế nội bộ về quản trị Công ty tại Phụ lục số 02 thuộc Thông tư số 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/09/2017 để xây dựng Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán cùng các Nghị định, Thông tư hướng dẫn và Nghị định số 71/2017/TT-BTC của Chính phủ ban hành ngày 06/06/2017.

Về Ban kiểm soát: PTSC Quảng Ngãi cam kết cơ cấu lại Ban kiểm soát để đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban kiểm soát theo quy định hiện hành và trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất thông qua.

Ngày ... tháng 08 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI PTSC

CHỦ TỊCH HĐQT

GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ - CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH